TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
KHOA TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN
----o0o----

CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP

Kế toán các khoản phải thu, phải trả tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hóa Thông Minh

SVTH :
MSSV :
GVHD :
KHÓA :
BẬC : HỆ CHÍNH QUY

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

□□✷□□

TPHCM, ngày tháng năm

ThS. Nguyễn Chương Thanh Hương

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

□□✷□□

TPHCM, ngày tháng năm 2016

Kế toán trưởng Giám đốc

LỜI CẢM ƠN

Sau khi được học xong về chuyên ngành kế toán, lãnh đạo nhà trường đã cho sinh viên thâm nhập thực tế nhằm củng cố vận dụng những lý luận đã học đưa vào thực tế, vừa nâng cao năng lực tay nghề chuyên môn, vừa làm chủ được công việc sau này khi tốt nghiệp ra trường về công tác tại cơ quan, xí nghiệp để có thể nhanh chóng hòa nhập và đảm đương các nhiệm vụ được phân công.

Sau thời gian thực tập tại Công Ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hóa Thông Minh, em đã có cơ hội tìm hiểu, phân tích và đánh giá hoạt động phải thu, phải trả của công ty.

Trên cơ sở đó, em đã chọn đề tài "**Kế toán các khoản phải thu, phải trả tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hóa Thông Minh"** làm đề tài báo cáo thực tập của mình.

Với thời gian thực tập có hạn và số liệu thực tế chưa nhiều, đặc biệt là kinh nghiệm phân tích đánh giá của em chưa sâu sắc. Vì vậy trong báo cáo không thể tránh khỏi những sai lầm thiếu sót, kính mong thầy cô giáo và nhà trường góp ý sửa chữa để em hoàn thành tốt hơn công việc của mìh.

Nhân dịp này em xin được bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến banh lãnh đạo và phòng kế toán Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hóa Thông Minh đã giúp đỡ em về mặt thực tiễn và cung cấp cho em các tài liệu quan trọng làm cơ sở nghiên cứu chuyên đề. Đồng thời em cũng xin cảm ơn giáo viên hướng dẫn - cô Nguyễn Chương Thanh Hương đã luôn luôn tận tình giúp đỡ em trong việc xây dựng và hoàn thiện bài báo cáo thực tập này.

CÁC TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG

DN	:	Doanh nghiệp
GTGT	:	Giá trị gia tăng
TK	:	Tài khoản
TNDN	:	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	:	Tài sản cố định
XDCB	:	Xây dựng cơ bản
BHYT	:	Bảo hiểm y tế
BHXH	:	Bảo hiểm xã hội
BHTN	:	Bảo hiểm thất nghiệp
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
NV	:	Nghiệp vụ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU **1**

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU – PHẢI TRẢ TRONG DOANH NGHIỆP **2**

1.1. Các khoản phải thu, phải trả trong doanh nghiệp **2**

1.1.1. Các khoản phải thu 2

1.1.2. Các khoản phải trả 2

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán các khoản phải thu, phải trả 2

1.2. Kế toán các khoản phải thu, phải trả trong doanh nghiệp **2**

1.2.1. Kế toán các khoản phải thu 2

1.2.2. Kế toán các khoản phải trả trong công ty 13

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH CÔNG TÁC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU- PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH **25**

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hóa Thông Minh **25**

2.1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển 25

2.1.2. Chức năng – Nhiệm vụ 25

2.1.3. Bộ máy tổ chức quản lý của công ty 26

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán 27

2.2. THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU – PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH **33**

2.2.1. Kế toán các khoản phải thu tại công ty 33

2.2.2. Kế toán các khoản phải trả tại công ty 37

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ VÀ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU-PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH **44**

3.1. Nhận xét về tình hình công ty **44**

3.2. Nhận xét chung về công tác kế toán các khoản phải thu- phải trả tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Thông Minh **45**

3.2.1. Những ưu điểm 45

3.2.2. Những nhược điểm 45

3.3. Một số giải pháp, ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán các khoản phải thu, phải trả tại Công ty **46**
3.3.1. Đối với tình hình hoạt động của công ty 46
3.3.2. Đối với kế toán các khoản phải thu khách hàng 47
3.3.3. Đối với khoản phải trả người lao động 47
3.3.4. Về việc trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi 47
3.3.5. Một số giải pháp hỗ trợ khác 47
KẾT LUẬN **49**
PHỤ LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, chính sách mở cửa và đổi mới kinh tế cùng với các ngành kinh tế khác, ngành vận tải nói chung và vận tải quốc tế nói riêng đã có những bước tiến nhảy tăng vọt. Mạng lưới vận tải hàng không và đường biển phủ kín, các dịch vụ được mở rộng và nâng cấp. Nhờ đó khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu tăng lên đáng kể, kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam và các nước ngày càng tăng nhanh, thị trường được mở rộng, thương mại quốc tế ngày càng phát triển.

Tuy ra đời và đã đi vào hoạt động chưa lâu, nhưng Công ty TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH đã tạo được uy tín trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Hiện tại, Công ty đã và đang từng bước củng cố, phát triển hoạt động kinh doanh của mình để có thể đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng, cạnh tranh để tồn tại và đứng vững trong nền kinh tế thị trường góp phần phục vụ cho hoạt động kinh tế của đất nước. Bên cạnh đó, vì hoạt động chính của công ty là cung cấp dịch vụ hàng hóa liên quan đến xuất nhập khẩu nên các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về công nợ khách hàng, phải trả người bán, phải trả khác và khai thuế là khá nhiều. Giải quyết tốt vấn đề công nợ và kê khai chính xác thuế là một cách tích cực để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển.

Nắm vững các khoản phải thu – phải trả nói chung và phải thu khách hàng, phải trả người bán nói riêng nhằm trách các hao hụt ngân sách, điều chỉnh tình hình tài chính, chủ động trong các giao dịch, duy trì tốt các mối quan hệ với đối tác, đảm bảo không vi phạm pháp luật… phát triển được các mối quan hệ trong và ngoài doanh nghiệp. Mặt khác, căn cứ vào các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán cùng với các khoản phải thu phải trả khác, ta có thể đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp về khả năng thanh toán, khả năng huy động vốn, tình hình chiếm dụng vốn và bị chiếm dụng vốn… Bên cạnh đó, kế toán thuế là nhiệm vụ không thể thiếu đối với mỗi doanh. Xuất phát từ tầm quan trọng đó và muốn tiếp cận thực tế, em đã đi sâu vào nghiên cứu và hoàn thành báo cáo thực tập với tài "Kế toán các khoản phải thu, phải trả tại công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hóa Thông Minh". Em hi vọng sẽ có một cái nhìn khách quan về công việc kế toán mà mình đã tìm hiểu tại công ty để từ đó đưa ra những giải pháp riêng của bản thân nhằm góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả trong hoạt động kế toán tại công ty.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU – PHẢI TRẢ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Các khoản phải thu, phải trả trong doanh nghiệp

1.1.1. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu: là một bộ phận thuộc tài sản của doanh nghiệp đang bị các đơn vị và các cá nhân khác chiếm dụng mà doanh nghiệp có trách nhiệm phải thu hồi; bao gồm:

- Các khoản phải thu của khách hàng.
- Các khoản thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- Các khoản phải thu nội bộ
- Các khoản tạm ứng cho công nhân viên
- Các khoản thế chấp, ký cược, ký quỹ.

1.1.2. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả là nợ phải trả bao gồm các khoản nợ mà doanh nghiệp đang vay nhằm bổ sung phần thiếu hụt vốn hoạt động và các khoản nợ khác phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như nợ người bán, cung cấp dịch vụ, nợ thuế, nợ phải trả khác…

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán các khoản phải thu, phải trả

- Phản ánh và theo dõi kịp thời các nghiệp vụ thanh toán phát sinh trong kinh doanh chi tiết theo từng đối tượng, từng khoản nợ, theo thời gian thanh toán được.
- Ghi chép kịp thời trên hệ thống chứng từ, sổ sách chi tiết, tổng hợp của phần hành các khoản phải thu, phải trả.
- Thực hiện giảm sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành các kỷ luật thanh toán tài chính, tín dụng.
- Tổng hợp và xử lý nhanh thông tin về tình hình công nợ trong hạn, đến hạn, quá hạn và công nợ có khả năng khó trả, khó thu để quản lý tốt công nợ, góp phần cải thiện tốt tình hình tài chính của doanh nghiệp.

1.2. Kế toán các khoản phải thu, phải trả trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán các khoản phải thu

1.2.1.1. Phải thu khách hàng

a. Khái niệm

Tài khoản 131 "Phải thu khách hàng" là các khoản nợ phải thu về tiền bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ, lao vụ mà đơn vị chưa thu.

b. Nguyên tắc hạch toán tài khoản phải thu của khách hàng

- Nợ phải thu cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.
- Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả tài sản cố định, bất động sản đầu tư.
- Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, cung cấp dịch vụ thu tiền ngay (tiền mặt, séc hoặc đã thu qua ngân hàng).
- Kế toán chi tiết cần phân loại các khoản nợ: Nợ có thể trả đúng hạn, nợ khó đòi, hoặc không có khả năng thu hồi làm căn cứ xác định khoản dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.
- Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

c. Kết cấu và nội dung của tài khoản 131 "Phải thu khách hàng"

Bên Nợ

- Số tiền phải thu khách hàng về bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ,…
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng

Bên Có

- Số tiền khách hàng đã nợ
- Số tiền khách hàng ứng trước, trả trước
- Số tiền giảm giá thực hiện cho khách hàng

- Doanh thu số hàng bị khách hàng trả lại
- Số chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán chấp nhận cho khách hàng

Số dư bên Nợ: Số tiền còn phải thu của khách hàng.

Tài khoản này có thể có số dư bên có. Số dư bên có thể hiện số tiền nhận trước của khách hàng hóa đã thu lớn hơn số phải thu của từng đối tượng cụ thể. Khi lập bản cân đối kế toán phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên Tài sản và Nguồn vốn.

1.2.1.2. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ

a. Khái niệm

Thuế GTGT đầu vào thường được xác định bằng tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ (cả TSCĐ dùng cho sản xuất kinh doanh, hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT) hoặc được ghi trên chứng từ nộp thuế của hàng hóa nhập khẩu. Riêng đối với hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù như tem bưu chính, vé cước vận tải, vé số kiến thiết…giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT.

b. Tài khoản sử dụng và đối tượng áp dụng

Để hạch toán thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, kế toán sử dụng TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ.

Tài khoản này chỉ sử dụng đối với những cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (không áp dụng đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và đối tượng không chịu thuế GTGT).

c. Kết cấu và nội dung của tài khoản 133

Bên Nợ: Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Bên Có:

- Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ
- Kết chuyển số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ.
- Số thuế GTGT đầu vào đã được hoàn lại
- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa mua vào nhưng đã trả lại hoặc được giảm giá.

Số dư bên Nợ:

- Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ.

- Số thuế GTGT đầu vào được hoàn lại nhưng ngân sách nhà nước chưa hoàn lại.

Tài khoản 133 có hai tài khoản cấp 2:

- TK 1331 "Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ".
- TK 1332 "Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ".

d. Xác định thuế GTGT đầu vào

Số thuế GTGT đầu vào	=	Giá mua chưa thuế của hàng hóa dịch vụ chịu thuế	x	Thuế suất thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ đó

GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, không áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng hóa dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì doanh nghiệp phải hạch toán riêng theo thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ.

+ Trường hợp không thể hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào được hạch toán vào tài khoản 133. Cuối kỳ, kế toán phải xác định số thues GTGT được khấu trừ theo tỷ lệ % giữa doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ khi tính vào giá vốn của hàng bán ra hoặc chi phí sản xuất, kinh doanh tùy theo từng trường hợp cụ thể.

+ Trường hợp số thuế GTGT không được khấu trừ có giá trị lớn thì tính vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ tương ứng với doanh thu trong kỳ, số còn lại được tính vào giá vốn hàng bán ra của ký kế toán sau.

- Trường hợp doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án, hoặc dùng vào hoạt động phúc lợi, khen thưởng được trang trải bằng quỹ phúc lợi, khen thưởng của doanh nghiệp thì số thuế GTGT đầu vào không

được khấu trừ và không hạch toán vào tài khoản 133. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được tính vào giá trị của vật tư, hàng hóa, tài sản cố định, dịch vụ mua vào.

- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào được dùng chứng từ đặc thù (như tem bưu điện, vé cước, vận tải…) ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT thì doanh nghiệp được căn cứ vào giá hàng hóa, dịch vụ mua vào đã có thuế GTGT để xác định giá không có thuế và thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.
- Đối với cơ sở sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp xuất khẩu sản phẩm do mình trực tiếp nuôi, trồng, đánh bắ khai thác thì chỉ được khấu trừ thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng trực tiếp cho giai đoạn khai thác.
- Hàng hóa mua vào bị tổn thất do thiên tai, hỏa hoạn, bị mất, xác định do trách nhiêm của các tổ chức, cá nhân phải bồi thường thì thuế GTGT đầu vào của số hàng hóa này được tính vào giá trị hàng hốn tổn thất phải bồi thường, không được tính vào số thuế GTGT đầu vào được khấu trù khi khai thuế GTGT phải nộp.
- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai khấu trừ khi xác định thuế GTGT phải nộp của tháng đó. Nếu số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế GTGT đầu ra thì chỉ khấu trừ thuế GTGT đầu vào bằng số thuế GTGT đầu ra của tháng đó. Số thuế GTGT đầu vào còn lại được khấu trừ tiếp vào ký tính thuế sau hoặc được xét hoàn thuế theo quy định của luật thuế GTGT.
- Trường hợp hóa đơn GTGT hoặc chứng từ nộp thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào phát sinh trong tháng nhưng chưa kê khai kịp trong tháng thì được kê khai khấu trừ vào tháng tiếp sau, thời hạn tối đa được phép để kê khai bổ sung là 6 tháng, theo quy định của luật thuế GTGT hiện hành.
- Văn phòng tổng công ty không trực tiếp hoạt động kinh doanh không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT thì không được khấu trừ hay hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động của đơn vị.

+ Trường hợp văn phòng tổng công ty có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải đăng ký, kê khai nộp thuế GTGT riêng cho các hoạt động này.

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT được chuyển sang nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thếu, được khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào phát sinh kể từ tháng được áp dụng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế. Đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào trước tháng được áp dụng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế thì không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào.
- Theo luật thuế GTGT thì căn cứ để xác định số thuế đầu vào được khấu trừ là số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT khi mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho nhà thầu nước ngoài theo quy định. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn GTGT hoặc có hóa đơn GTGT nhưng không đúng quy định của pháp luật thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Trường hợp hóa đơn GTGT không ghi thuế GTGT (trừ trường hợp đặc thù được dùng hóa đơn GTGT ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT), không được ghi hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán nên không xác định được người bán; hóa đơn, chứng từ nộp thuế GTGT giả, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn khống (không bán hàng hóa, dịch vụ); hóa đơn ghi giá trị cao hơn giá trị thực tế của hàng hóa, dịch vụ thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

1.2.1.3. Kế toán phải thu nội bộ

a. Khái niệm

Tài khoản 136 "Phải thu nội bộ" dùng để phản ánh các khoản nợ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp trên, giữa các đơn vị trực thuộc, hoặc các đơn vị phụ thuộc trong một doanh nghiệp độc lập, các doanh nghiệp độc lập trong Tổng công ty về các khoản vay mượn, chi hộ, trả hộ, thu hộ, hoặc các khoản mà doanh nghiệp cấp dưới có nghĩa vụ nộp lên đơn vị cấp trên hoặc cấp trên phải cấp cho cấp dưới.

b. Nguyên tắc hạch toán

Ở doanh nghiệp cấp trên (Doanh nghiệp độc lập, tổng công ty):

- Vốn, quỹ hoặc kinh phí đã giao, đã cấp cho cấp dưới;
- Vốn kinh doanh cho cấp dưới vay không tính lãi;

- Các khoản cấp dưới phải nộp lên cấp trên theo quy định;
- Các khoản nhờ cấp dưới thu hộ;
- Các khoản đã chi, đã trả hộ cấp dưới;
- Các khoản đã giao cho đơn vị trực thuộc để thực hiện khối lượng giao khoán nội bộ và nhận lại giá trị giao khoán nội bộ;
- Các khoản phải thu vãng lai khác.

Ở doanh nghiệp cấp dưới (Doanh nghiệp thành viên trực thuộc hoặc đơn vi hạch toán phụ thuộc):

- Các khoản được đơn vị cấp trên cấp nhưng chưa nhận được (Trừ vốn kinh doanh và kinh phi);
- Khoản cho vay vốn kinh doanh;
- Các khoản nhờ đơn vị cấp trên hoặc đơn vị nội bộ khác thu hộ;
- Các khoản đã chi, đã trả hộ cấp trên và đơn vị nội bộ khác;
- Các khoản phải thu vãng lai khác.

Tài khoản này không phản ánh số vốn đầu tư mà công ty mẹ đầu tư vốn vào các công ty con và các khoản thanh toán giữa công ty mẹ và công ty con.

Tài khoản 136 phải hạch toán chi tiết theo từng đơn vị có quan hệ thanh toán và theo dõi riêng từng khoản phải thu nội bộ. Từng doanh nghiệp cần có biện pháp đôn đốc giải quyết dứt điểm các khoản nợ phải thu nội bộ trong niên độ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, phải kiểm tra, đối chiếu và xác nhận số phát sinh, số dư Tài khoản 136 "Phải thu nội bộ", Tài khoản 336 "Phải trả nội bộ" với các đơn vị có quan hệ theo từng nội dung thanh toán. Tiến hành thanh toán bù trừ theo từng khoản của từng đơn vị có quan hệ, đồng thời hạch toán bù trừ trên 2 Tài khoản 136 "Phải thu nội bộ" và Tài khoản 336 "Phải trả nội bộ" (Theo chi tiết từng đối tượng).

Khi đối chiếu, nếu có chênh lệch, phải tìm nguyên nhân và điều chỉnh kịp thời.

c. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 139

Bên Nợ:

- Số vốn kinh doanh đã giao cho đơn vị cấp dưới (bao gồm vốn cấp trực tiếp và cấp bằng các phương thức khác);
- Các khoản đã chi hộ, trả hộ đơn vị cấp trên, cấp dưới;

- Số tiền đơn vị cấp trên phải thu về, các khoản đơn vị cấp dưới phải nộp;
- Số tiền đơn vị cấp dưới phải thu về, các khoản cấp trên phải giao xuống;
- Số tiền phải thu về bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cho đơn vị cấp trên, cấp dưới, giữa các đơn vị nội bộ.

Bên Có:

- Thu hồi vốn, quỹ ở đơn vị thành viên;
- Quyết toán với đơn vị thành viên về kinh phí sự nghiệp đã cấp, đã sử dụng;
- Số tiền đã thu về các khoản phải thu trong nội bộ;
- Bù trừ phải thu với phải trả trong nội bộ của cùng một đối tượng.

Số dư bên Nợ: Số nợ còn phải thu ở các đơn vị nội bộ.

Tài khoản 136 - Phải thu nội bộ, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1361* - Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc: Tài khoản này chỉ mở ở đơn vị cấp trên (Tổng công ty, công ty) để phản ánh số vốn kinh doanh hiện có ở các đơn vị trực thuộc do đơn vị cấp trên cấp giao trực tiếp hoặc hình thành bằng các phương thức khác. Tài kkhoản này không phản ánh số vốn đầu tư mà công ty mẹ đầu tư vào các công ty con, các khoản này phản ánh trên Tài khoản 221 "Đầu tư vào công ty con".
- *Tài khoản 1368* - Phải thu nội bộ khác: Phản ánh tất cả các khoản phải thu khác giữa các đơn vị nội bộ.

1.2.1.4. Kế toán phải thu khác

a. Khái niệm

Tài khoản 138 "Phải thu khác" dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở các Tài khoản phải thu (131, 133) và tình hình thanh toán về các khoản phải thu này.

b. Nguyên tắc hạch toán

- Giá trị tài sản thiếu đã được phát hiện nhưng chưa xác định được nguyên nhân, phải chờ xử lý;
- Các khoản phải thu về bồi thường vật chất do cá nhân, tập thể (trong và ngoài đơn vị) gây ra như mất mát, hư hỏng vật tư, hàng hoá, tiền vốn,. . . đã được xử lý bắt bồi thường;
- Các khoản cho vay, cho mượn vật tư, tiền vốn có tính chất tạm thời không

lấy lãi;

- Các khoản đã chi cho hoạt động sự nghiệp, chi dự án, chi đầu tư XDCB, chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng không được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải thu hồi;
- Các khoản đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu chi hộ cho đơn vị uỷ thác xuất khẩu về phí ngân hàng, phí giám định hải quan, phí vận chuyển, bốc vác,. . .
- Các khoản phải thu phát sinh khi cổ phần hoá công ty nhà nước, như: Chi phí cổ phần hoá, trợ cấp cho lao động thôi việc, mất việc, hỗ trợ đào tào lại lao động trong doanh nghiệp cổ phần hoá,. . .
- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận phải thu từ các hoạt động đầu tư tài chính;.
- Các khoản phải thu khác ngoài các khoản trên.

c. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 138

Bên Nợ:

- Giá trị tài sản thiếu chờ giải quyết;
- Phải thu của cá nhân, tập thể (trong và ngoài đơn vị) đối với tài sản thiếu đã xác định rõ nguyên nhân và có biên bản xử lý ngay;
- Số tiền phải thu về các khoản phát sinh khi cổ phần hoá công ty nhà nước;
- Phải thu về tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư tài chính;
- Các khoản nợ phải thu khác.

Bên Có:

- Kết chuyển giá trị tài sản thiếu vào các tài khoản liên quan theo quyết định ghi trong biên bản xử lý;
- Kết chuyển các khoản phải thu về cổ phần hoá công ty nhà nước;
- Số tiền đã thu được về các khoản nợ phải thu khác.

Số dư bên Nợ: Các khoản nợ phải thu khác chưa thu được.

Tài khoản này có thể có số dư bên Có. Số dư bên Có phản ánh số đã thu nhiều hơn số phải thu (Trường hợp cá biệt và trong chi tiết của từng đối tượng cụ thể).

Tài khoản 138 - Phải thu khác, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1381* - Tài sản thiếu chờ xử lý: Phản ánh giá trị tài sản thiếu chưa

xác định rõ nguyên nhân, còn chờ quyết định xử lý.

- Về nguyên tắc trong mọi trường hợp phát hiện thiếu tài sản, phải truy tìm nguyên nhân và người phạm lỗi để có biện pháp xử lý cụ thể.

+ Chỉ hạch toán vào Tài khoản 1381 trường hợp chưa xác định được nguyên nhân về thiếu, mất mát, hỏng tài sản của doanh nghiệp phải chờ xử lý.

+ Trường hợp tài sản thiếu đã xác định được nguyên nhân và đã có biên bản xử lý ngay trong kỳ thì ghi vào các tài khoản liên quan, không hạch toán qua Tài khoản 1381.

- *Tài khoản 1385* - Phải thu về cổ phần hoá: Phản ánh số phải thu về cổ phần hoá mà doanh nghiệp đã chi ra, như: Chi phí cổ phần hoá, trợ cấp cho lao động thôi việc, mất việc, hỗ trợ đào tạo lại lao động trong doanh nghiệp cổ phần hoá,. . .
- *Tài khoản 1388* - Phải thu khác: Phản ánh các khoản phải thu của đơn vị ngoài phạm vi các khoản phải thu phản ánh ở các TK 131, 136 và TK 1381, 1385, như: Phải thu các khoản cổ tức, lợi nhuận, tiền lãi; Phải thu các khoản phải bồi thường do làm mất tiền, tài sản;. . .

1.2.1.5. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Khái niệm

Tài khoản 139 "Dự phòng phải thu khó đòi" dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

b. Quy định hạch toán

- Cuối kỳ kế toán hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ (Đối với đơn vị có lập báo cáo tài chính giữa niên độ) doanh nghiệp xác định các khoản nợ phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi tính vào hoặc ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp của kỳ báo cáo.
- Về nguyên tắc, căn cứ lập dự phòng là phải có những bằng chứng đáng tin cậy về các khoản nợ phải thu khó đòi (Khách hàng bị phá sản hoặc bị tổn thất, thiệt hại lớn về tài sản,. . . nên không hoặc khó có khả năng thanh toán, đơn vị đã làm thủ tục đòi nợ nhiều lần vẫn không thu được nợ). Theo quy

định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng chủ yếu dưới đây:

+ Số tiền phải thu phải theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi;

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ. . .

- Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được;

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thụ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

- Mức lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định của chế độ tài chính doanh nghiệp hiện hành.
- Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, doanh nghiệp đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không còn khả năng thanh toán thì doanh nghiệp có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng hoặc xoá những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán. Nếu làm thủ tục xoá nợ thì đồng thời phải theo dõi chi tiết ở TK 004 "Nợ khó đòi đã xử lý" (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán). Việc xoá các khoản nợ phải thu khó đòi phải được sự đồng ý của Hội đồng quản trị doanh nghiệp và cơ quan quản lý tài chính (Nếu là doanh nghiệp Nhà nước) hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định trong điều lệ doanh nghiệp. Số nợ này được theo dõi trong thời hạn quy định của chính sách tài chính, chờ khả năng có điều kiện thanh toán số tiền thu được về nợ khó đòi đã xử lý. Nếu sau khi đã xoá nợ, khách hàng có khả năng thanh toán và doanh nghiệp đã đòi được nợ đã xử lý (Được theo dõi trên TK 004 "Nợ khó đòi đã xử lý") thì số nợ thu được sẽ hạch toán vào Tài khoản 711 "Thu nhập khác".

c. Kết cấu và nội dung phản ánh

Bên Nợ:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi;
- Xoá các khoản nợ phải thu khó đòi.

Bên Có:

- Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số dư bên Có: Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

1.2.2. Kế toán các khoản phải trả trong công ty

1.2.2.1. Phải trả cho người bán

a. Khái niệm

Tài khoản 331 "Phải trả cho người bán" dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

b. Nguyên tắc hạch toán tài khoản phải trả cho người bán

- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ hoặc cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cng cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.
- Không phản ánh tài khoản này các nghiệp vụ mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ trả tiền ngay (bằng tiền mặt, tiền séc hoặc đã trả qua ngân hàng).
- Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.
- Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp ngoài hóa đơn mua hàng.

c. Kết cấu và nội dung của tài khoản phải trả cho người bán

Bên nợ

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao.
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng.
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào nợ phải trả cho người bán.
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.

Bên có

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp.
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức.

Số dư bên có: số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

Tài khoản này có thể có số dư bên nợ. Số dư bên nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng cân đối ké toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên Tài sản và Nguồn vốn.

1.2.2.2. Vay ngắn hạn

a. Khái niệm

Tài khoản 331 "Vay ngắn hạn" dùng để phản ánh các khoản tiền vay ngắn hạn và tình hình trả nợ tiền vay của doanh nghiệp, bao gồm các khoản tiền vay Ngân hàng, vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp.

Vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn trả trong vòng một chu kỳ sản

xuất, kinh doanh bình thường hoặc trong vòng một năm tài chính.

b. Nguyên tắc hạch toán

- Kế toán tiền vay ngắn hạn phải theo dõi chi tiết số tiền đã vay, lãi vay, số tiền vay đã trả (gốc và lãi vay), số tiền còn phải trả theo từng đối tượng cho vay, theo từng khế ước vay.
- Trường hợp vay bằng ngoại tệ, hoặc trả nợ vay bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết gốc ngoại tệ riêng và quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế giao dịch hoặc tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch hoặc theo tỷ giá trên sổ kế toán (Bên Nợ TK 311 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán, bên Có TK 311 được quy đổi nghoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế giao dịch hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng). Các khoản chênh lệch tỷ giá ở thời điểm vay và thời điểm trả nợ vay phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại nợ vay bằng ngoại tệ cuối năm tài chính (Giai đoạn SXKD) của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận ngay vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

c. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 311

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả về các khoản vay ngắn hạn;
- Số chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm (Do đánh giá lại nợ vay bằng ngoại tệ).

Bên Có:

- Số tiền vay ngắn hạn;
- Số chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng (Do đánh giá lại nợ vay bằng ngoại tệ).

Số dư bên Có: Số tiền còn nợ về các khoản vay ngắn hạn chưa trả.

1.2.2.3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Khái niệm

Tài khoản 333 "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

b. Nguyên tắc hạch toán

- Doanh nghiệp chủ động tính và xác định số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp cho Nhà nước theo luật định và kịp thời phản ánh vào sổ kế toán số thuế phải nộp. Việc kê khai đầy đủ, chính xác số thuế, phí và lệ phí phải nộp là nghĩa vụ của doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm chỉnh việc nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế, phí và lệ phí cho Nhà nước. Trường hợp có thông báo số thuế phải nộp, nếu có thắc mắc và khiếu nại về mức thuế, về số thuế phải nộp theo thông báo thì cần được giải quyết kịp thời theo quy định. Không được vì bất cứ một lý do gì để trì hoãn việc nộp thuế.
- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp và còn phải nộp.
- Doanh nghiệp nộp thuế bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định để ghi sổ kế toán (nếu ghi sổ bằng Đồng Việt Nam).

c. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 333

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên Có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Số dư bên Có: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp cá biệt, Tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 3331* - Thuế giá trị gia tăng phải nộp: Phản ánh số thuế GTGT đầu

ra, số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, số thuế GTGT đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Tài khoản 3331 có 2 tài khoản cấp 3:

+ Tài khoản 33311 - Thuế giá trị gia tăng đầu ra: Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá, số thuế GTGT phải nộp, đã nộp, còn phải nộp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

+ Tài khoản 33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu: Dùng để phản ánh số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- *Tài khoản 3332* - Thuế tiêu thụ đặc biệt: Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- *Tài khoản 3333* - Thuế xuất, nhập khẩu: Phản ánh số thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- *Tài khoản 3334* - Thuế thu nhập doanh nghiệp: Phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- *Tài khoản 3335* - Thuế thu nhập cá nhân: Phản ánh số thu nhập cá nhân phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- *Tài khoản 3336* - Thuế tài nguyên: Phản ánh số thuế tài nguyên phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- *Tài khoản 3337* - Thuế nhà đất, tiền thuê đất: Phản ánh số thuế nhà đất, tiền thuê đất phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- *Tài khoản 3338* - Các loại thuế khác: Phản ánh số phải nộp, đã nộp và còn phải nộp về các loại thuế khác không ghi vào các tài khoản trên, như: Thuế môn bài, thuế nộp thay cho các tổ chức, các nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. . . Tài khoản này được mở chi tiết cho từng loại thuế.
- *Tài khoản 3339* - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác: Phản ánh số phải nộp, đã nộp và còn phải nộp về các khoản phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác cho Nhà nước ngoài các khoản đã ghi vào các tài khoản từ 3331 đến 3338. Tài khoản này còn phản ánh các khoản Nhà nước trợ cấp cho doanh

nghiệp (nếu có) như các khoản trợ cấp, trợ giá.

1.2.2.4. Phải trả người lao động

a. Khái niệm

Tài khoản 334 "Phải trả người lao động" dùng để phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho người lao động của doanh nghiệp về tiền lương, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội và các khoản phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động.

b. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 334

Bên Nợ:

- Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng có tính chất lương, bảo hiểm xã hội và các khoản khác đã trả, đã chi, đã ứng trước cho người lao động;
- Các khoản khấu trừ vào tiền lương, tiền công của người lao động.

Bên Có:

- Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng có tính chất lương, bảo hiểm xã hội và các khoản khác phải trả, phải chi cho người lao động.

Số dư bên Có: Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng có tính chất lương và các khoản khác còn phải trả cho người lao động.

Tài khoản 334 có thể có số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ Tài khoản 334 rất cá biệt - nếu có phản ánh số tiền đã trả lớn hơn số phải trả tiền lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản khác cho người lao động.

Tài khoản 334 phải hạch toán chi tiết theo 2 nội dung: Thanh toán lương và thanh toán các khoản khác.

Tài khoản 334 - Phải trả người lao động, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 3341* - Phải trả công nhân viên: Phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho công nhân viên của doanh nghiệp về tiền lương, tiền thưởng có tính chất lương, bảo hiểm xã hội và các khoản phải trả khác thuộc về thu nhập của công nhân viên.
- *Tài khoản 3348* - Phải trả người lao động khác: Phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho người lao động khác ngoài công nhân viên của doanh nghiệp về tiền công, tiền thưởng (nếu có) có tính chất về tiền công và các khoản phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao

động.

1.2.2.5. **Phải trả, phải nộp khác**

a. Khái niệm

Tài khoản 338 "Phải trả, phải nộp khác" dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phải trả, phải nộp ngoài nội dung đã phản ánh ở các tài khoản khác thuộc nhóm TK 33 (từ TK 331 đến TK 337). Tài khoản này cũng được dùng để hạch toán doanh thu nhận trước về các dịchvụ đã cung cấp cho khách hàng, chênh lệch đánh giá lại các tài sản đưa đi góp vốn liên doanh và các khoản chênh lệch giá phát sinh trong giao dịch bán thuê lại tài sản là thuê tài chính hoặc thuê hoạt động.

b. Nguyên tắc hạch toán

- Giá trị tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân, còn chờ quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền.
- Giá trị tài sản thừa phải trả cho cá nhân, tập thể (trong và ngoài đơn vị) theo quyết định của cấp có thẩm quyền ghi trong biến bản xử lý, nếu đã xác định được nguyên nhân.
- Số tiền trích và thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.
- Các khoản khấu trừ vào tiền lương của công nhân viên theo quyết định của toà án (tiền nuôi con khi ly dị, con ngoài giá thú, lệ phí toà án, các khoản thu hộ, đền bù. . .).
- Các khoản phải trả cho các đơn vị bên ngoài do nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn. Trường hợp nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn bằng hiện vật không phản ánh ở tài khoản này mà được theo dõi ở tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán (TK 003 - Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược).
- Các khoản lãi phải trả cho các bên tham gia liên doanh, cổ tức phải trả cho các cổ đông.
- Các khoản đi vay, đi mượn vật tư, tiền vốn có tính chất tạm thời.
- Các khoản tiền nhận từ đơn vị uỷ thác xuất, nhập khẩu hoặc nhận đại lý bán hàng để nộp các loại thuế xuất, nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu.
- Số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản,

cơ sở hạ tầng (Gọi là doanh thu nhận trước).

- Khoản chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả ngay.
- Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ.
- Số chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư XDCB (Giai đoạn trước hoạt động) khi hoàn thành đầu tư chưa xử lý tại thời điểm cuối năm tài chính.
- Phần lãi hoàn lại do đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn vào cơ sở liên doanh đồng kiểm soát tương ứng với phần lợi ích của bên liên doanh.
- Số phải trả về tiền thu bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước, tiền thu hộ nợ phải thu và tiền thu về nhượng bán tài sản được loại trừ không tính vào gia trị doanh nghiệp.
- Khoản chênh lệch giá bán cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê tài chính.
- Khoản chênh lệch giá bán cao hơn giá trị hợp lý của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.

c. Kết cấu và nội dung phản ảnh của tài khoản 338

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá trị tài sản thừa vào các tài khoản liên quan theo quyết định ghi trong biên bản xử lý;
- Bảo hiểm xã hội phải trả cho công nhân viên;
- Kinh phí công đoàn chi tại đơn vị;
- Số bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn đã nộp cho cơ quan quản lý quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn;
- Doanh thu chưa thực hiện tính cho từng kỳ kế toán; trả lại tiền nhận trước cho khách hàng khi không tiếp tục thực hiện việc cho thuê tài sản;
- Số phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp lãi tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) khi hoàn thành đầu tư để phân bổ dần vào doanh thu tài chính;

- Số phân bổ chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản đưa đi góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tương ứng với phần lợi ích của bên góp vốn liên doanh;
- Số phân bổ khoản chênh lệch giữa giá bán chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay (lãi trả chậm) và chi phí tài chính;
- Kết chuyển chênh lệch giá bán lớn hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê tài chính ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh;
- Kết chuyển chênh lệch giá bán lớn hơn giá trị hợp lý của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh;
- Kết chuyển số chênh lệch giữa giá giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ của vật tư, hàng hoá đưa đi góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tương ứng với phần lợi ích của bên góp vốn liên doanh được ghi tăng thu nhập khác khi cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bán số vật tư, hàng hoá cho bên thứ ba;
- Nộp vào Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp số tiền thu hồi nợ phải thu đã thu được và tiền thu về nhượng bán, thanh lý tài sản được loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước;
- Kết chuyển chi phí cổ phần hoá trừ (-) vào số tiền Nhà nước thu được từ cổ phần hoá công ty Nhà nước;
- Các khoản đã trả, đã nộp khác.

  Bên Có:
- Giá trị tài sản thừa chờ xử lý (Chưa xác định rõ nguyên nhân);
- Giá trị tài sản thừa phải trả cho cá nhân, tập thể (Trong và ngoài đơn vị) theo quyết định ghi trong biên bản xử lý do xác định ngay được nguyên nhân;
- Trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn vào chi phí sản xuất, kinh doanh;
- Trích bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội khấu trừ vào lương của công nhân viên;
- Các khoản thanh toán với công nhân viên về tiền nhà, điện, nước ở tập thể;
- Kinh phí công đoàn vượt chi được cấp bù;
- Số BHXH đã chi trả công nhân viên khi được cơ quan BHXH thanh toán;
- Doanh thu chưa thực hiện phát sinh trong kỳ;
- Kết chuyển chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và đánh giá lại các khoản

mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp lãi tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) khi hoàn thành đầu tư để phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính;

- Số chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả ngay;
- Số chênh lệch giữa giá bán cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại của giao dịch bán và thuê lại TSCĐ là thuê tài chính;
- Số chênh lệch giữa giá bán cao hơn giá trị hợp lý của TSCĐ bán và thuê lại của giao dịch bán và thuê lại TSCĐ là thuê hoạt động;
- Số chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản do đánh giá lại TSCĐ đưa đi góp vốn vào cơ sở liên doanh đồng kiểm soát tương ứng với phần lợi ích của bên góp vốn liên doanh;
- Số tiền phải trả về toàn bộ số tiền thu hồi nợ phải thu và tiền thu về nhượng bán, thanh lý tài sản được loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi xác định giá để cổ phần hoá doanh nghiệp;
- Công ty cổ phần phản ánh số tiền phải trả về tổng số tiền thu được về tiền thu hộ nợ phải thu và tiền thu từ nhượng bán tài sản giữ hộ Nhà nước (Được loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp);
- Phản ánh tổng số tiền thu từ bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước;
- Các khoản phải trả khác.

Số dư bên Có:

- Số tiền còn phải trả, còn phải nộp;
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn đã trích chưa nộp cho cơ quan quản lý hoặc kinh phí công đoàn được để lại cho đơn vị chưa chi hết;
- Giá trị tài sản phát hiện thừa còn chờ giải quyết;
- Doanh thu chưa thực hiện ở thời điểm cuối kỳ kế toán;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) khi hoàn thành đầu tư chưa xử lý tại thời điểm cuối năm tài chính;
- Số chênh lệch giá bán cao hơn giá trị hợp lý hoặc giá trị còn lại của TSCĐ

bán và thuê lại chưa kết chuyển;

- Số chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản đưa đi góp vốn vào cơ sở liên doanh đồng kiểm soát chưa kết chuyển;
- Phản ánh số tiền còn phải trả về số tiền thu hộ các khoản nợ phải thu và số tiền thu từ nhượng bán tài sản giữ hộ được loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp đến cuối kỳ kế toán;
- Phản ánh số tiền công ty cổ phần còn phải trả về tiền thu hộ các khoản nợ phải thu và tiền thu từ nhượng bán tài sản giữ hộ Nhà nước đến cuối kỳ kế toán;
- Phản ánh số tiền thu về bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước còn phải trả đến cuối kỳ kế toán.

Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ phản ánh số đã trả, đã nộp nhiều hơn số phải trả, phải nộp hoặc số bảo hiểm xã hội đã chi trả cho công nhân viên chưa được thanh toán và kinh phí công đoàn vượt chi chưa được cấp bù.

Tài khoản 338 - Phải trả, phải nộp khác, có 8 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 3381* - Tài sản thừa chờ giải quyết: Phản ánh giá trị tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân, còn chờ quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền.

Trường hợp giá trị tài sản thừa đã xác định được nguyên nhân và có biên bản xử lý thì được ghi ngay vào các tài khoản liên quan, không hạch toán qua Tài khoản 338 (3381).

- *Tài khoản 3382* - Kinh phí công đoàn: Phản ánh tình hình trích và thanh toán kinh phí công đoàn ở đơn vị.
- *Tài khoản 3383* - Bảo hiểm xã hội: Phản ánh tình hình trích và thanh toán bảo hiểm xã hội của đơn vị.
- *Tài khoản 3384* - Bảo hiểm y tế: Phản ánh tình hình trích và thanh toán bảo hiểm y tế theo quy định.
- *Tài khoản 3385* - Phải trả về cổ phần hoá: Phản ánh số phải trả về tiền thu bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước, tiền thu hộ các khoản phải thu và tiền thu về nhượng bán tài sản được loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp và các khoản phải trả khác theo qui định.

- *Tài khoản 3386* - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn: Phản ánh số tiền mà đơn vị nhận ký quỹ, ký cược của các đơn vị, cá nhân bên ngoài đơn vị với thời gian dưới 1 năm, để đảm bảo cho các dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh được thực hiện đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết.
- *Tài khoản 3387* - Doanh thu chưa thực hiện: Phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Hạch toán vào tài khoản này số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay; Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) khi hoàn thành đầu tư để phân bổ dần; Khoản chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản đưa đi góp vốn liên doanh tương ứng với phần lợi ích của bên góp vốn liên doanh;

Không hạch toán vào tài khoản này số tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

- *Tài khoản 3388* - Phải trả, phải nộp khác: Phản ánh các khoản phải trả khác của đơn vị ngoài nội dung các khoản phải trả đã phản ánh trên các Tài khoản từ TK 331 đến TK 3381 đến TK 3384 và TK 3387.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH CÔNG TÁC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU- PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hóa Thông Minh

2.1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển

Bắt đầu từ một mô hình kinh doanh nhỏ chuyên nhận vận chuyển hàng hóa trong nước. Công Ty TNHH Dịch vụ Hàng Hóa Thông Minh đã dần mở rộng dịch vụ của mình ra cả thị trường nước ngoài và chính thức được thành lập từ theo giấy phép kinh doanh số 4102050833 ngày 05/06/2007 và bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 01/07/2007.

- **Tên công ty :** CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH
- **Tên giao dịch quốc tế:** SMART CARGO SERVICE CO.,LTD
- **Trụ sở :** Phòng 201, Lầu 2, Tòa nhà Thăng Long, Số 06 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM
- **Điện thoại :** 08.3 948 0686 – 3 948 0687
- **Fax :** 08.3 948 0663
- **Mã số thuế :** 0304980801
- **Vốn điều lệ:** 400.000.000 đồng
- **Tài khoản :** 750 500 096077 Ngân hàng Shin Han_chi nhánh HCM

Công ty Thông Minh là đơn vị kinh tế hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng. Công ty được phép nhận vận chuyển hàng hóa trong nước và cả quốc tế bằng đường thủy và đường hàng không, khai thuế hải quan, môi giới thương mại, đại lý gửi hàng hóa, đại lý tàu biển theo đúng pháp luật chuẩn mực của Nhà Nước Việt Nam.

2.1.2. Chức năng – Nhiệm vụ

2.1.2.1. Chức Năng

Mục tiêu ban đầu khi thành lập công ty là hoạt động kinh doanh thương mại sinh lợi nhuận. Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty đã tạo thêm những bước tiến mới về hoạt động kinh doanh của mình, mở thêm nhiều loại hình dịch vụ trong và ngoài nước có nhu cầu.

Là đơn vị thích ứng với nền kinh tế thị trường công ty đang phát triển ở lĩnh

vực dịch vụ vận chuyển hàng hóa trong nước và ngoài nước bằng đường thủy và đường hàng không, là đại lý ký gửi hàng hóa, đại lý tàu biển…

Là công ty hoạt động mạnh ở lĩnh vực dịch vụ nên nhân tố uy tín, phục vụ, chăm sóc khách hàng luôn được quan tâm và đặt ở vị trí hàng đầu. Đảm bảo vận chuyển hàng hóa và giao chứng từ thủ tục nhận hàng đúng thời gian để khách hàng kịp tiến độ sản xuất và cung cấp cho nhu cầu thị trường.

2.1.2.2. **Nhiệm Vụ**

Kinh doanh hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, đúng ngành nghề đã đăng ký, thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách pháp luật: hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, chính sách bảo hiểm xã hội, tiền lương.

Tôn trọng và tuân theo quy luật thị trường, quy luật cung cầu và thực hiện cạnh tranh lành mạnh. Tự chủ trong kinh doanh, hợp tác kinh tế liên doanh liên kết, đáp ứng ngày càng nhiều dich vụ xuất nhập khẩu hàng hóa cho xã hội.Chủ động đưa ra những phương hướng, kế hoạch kinh doanh mới nhằm tạo ra hiệu quả kinh tế cao.

Nghiên cứu thực hiện các công cụ quản lý, biện pháp chiến lược kinh doanh, tổ chức phân công hoạt động để nâng cao mức sống cho nhân viên trong Công ty, tạo việc làm cho người lao động.

2.1.3. Bộ máy tổ chức quản lý của công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

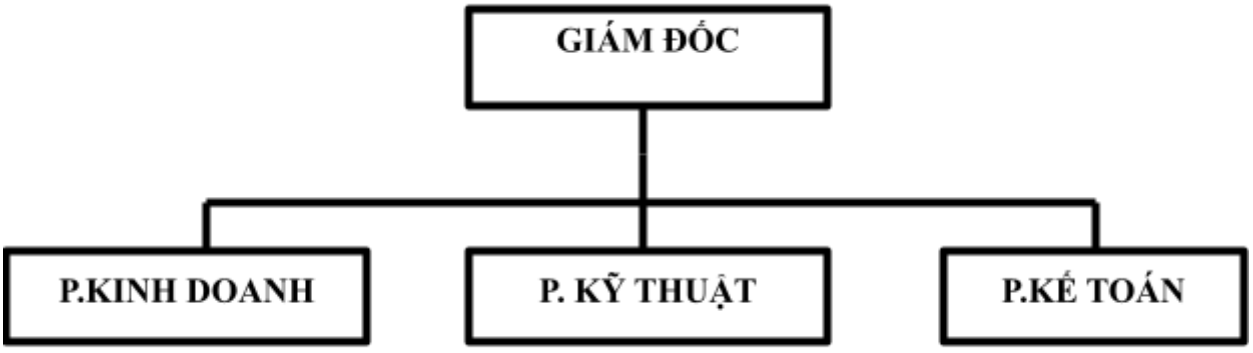

Bộ máy quản lý của Công ty Thông Minh đơn giản, gọn nhẹ. Số lượng nhân viên không nhiều được phân thành từng phòng ban ứng với từng chức năng, nhiệm vụ cụ thể nên công tác quản lý có nhiều thuận lợi.

 Giám Đốc: là người đứng đầu, lãnh đạo cao nhất của công ty.Trong việc

thực hiện các phương án kinh doanh của doanh nghiệp Giám đốc là người quyết định cuối cùng, là đại diện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

 Phó Giám đốc: là người trợ giúp đắc lực cho Giám đốc trong công tác quản lý, tham mưu cho Giám đốc về hoạt động kinh doanh và chịu sự quản lý trực tiếp của Giám đốc. Phó giám đốc được ủy quyền của Giám đốc phụ trách điều hành một số công tác nhất định và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động đó.Phó giám đốc còn thay mặt Giám đốc giải quyết các công việc khi Giám đốc vắng mặt.

 Phòng kinh doanh: có chức năng tham mưu cho Giám đốc về tình hình hoạt động kinh doanh, xúc tiến thương mại, tiềm kiếm các hợp đồng kinh tế, mở rộng thị trường, kênh phân phối hàng hóa.Nắm bắt thông tin trên thị trường về nhu cầu, thị hiếu khách hàng, giá cả, khả năng cạnh tranh để kịp thời có kế hoạch mở rộng mua bán hàng hóa, nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

 Phòng kế toán: Là trung tâm thu thập thông tin, xử lý cung cấp thông tin cho các phòng ban, nhà quản trị có nhu cầu sử dụng. Phòng kế toán ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một các trung thực và đầy đủ, kịp thời vào sổ sách kế toán . Quản lý, lưu trữ chứng từ, hóa đơn, sổ sách kế toán và các dữ liệu quan trọng về tình hình tài chính của công ty. Hàng tháng, hàng quý thực hiện công tác báo cáo tài chính. Giúp cho doanh nghiệp thực hiện tốt nghĩa vụ với nhà nước về thuế, các khoản bảo hiểm, tiền lương tại doanh nghiệp.

 Phòng kỹ thuật: làm công tác sữa chữa, bảo hành, bảo trì các loại máy móc, vật tư linh kiện đồng thời tham mưu cho Giám đốc về các tính năng kỹ thuật của các loại thiết bị, máy móc.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán

2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Hình thức này chỉ tổ chức một phòng kế toán trung tâm, tất cả các công việc kế toán như phân loại chứng từ, kiểm tra chứng từ ban đầu, định khoản kế toán, ghi sổ tổng hợp chi tiết, tính giá thành, lập báo cáo, thông tin kinh tế đều được thực hiện tập trung ở phòng Kế toán của đơn vị. Các bộ phận trực thuộc chỉ tổ chức ghi chép ban đầu và một số ghi chép trung gian cần thiết phục vụ cho sự chỉ đạo của người phụ trách đơn vị trực thuộc và

đơn vị.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN

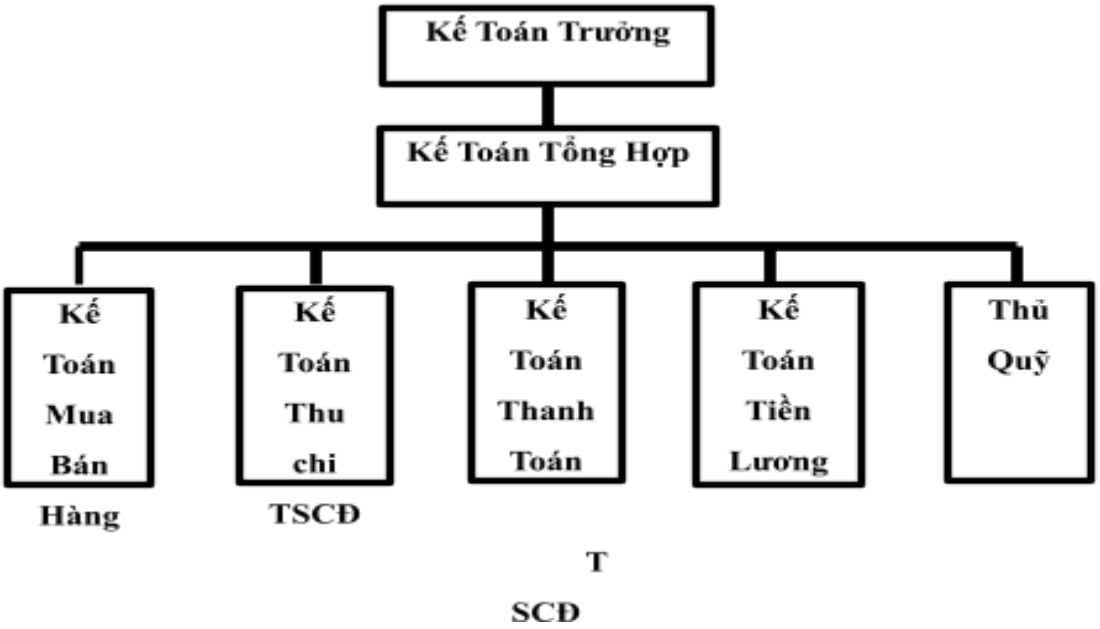

2.1.4.2. **Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận**

- **Kế Toán Trưởng:** Có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của công ty, làm tham mưu cho giám đốc về các hoạt động kinh doanh. Khi báo cáo quyết toán được lập, kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh, phân tích giải trình kết quả sản xuất kinh doanh chịu trách nhiệm về mọi số liệu ghi trong bản quyết toán, các bộ phận trong phòng kế toán đều chịu sự lãnh đạo trực tiếp của kế toán trưởng.
- **Kế Toán Tổng Hợp:** chịu trách nhiệm về việc kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo ở các bộ phận trực thuộc để có sự điều chỉnh hợp lý, lập báo cáo tài chính tổng hợp. Giúp đỡ kế toán trưởng trong việc điều hành hoạt động kế toán trong công ty .
- **Kế Toán Mua Bán Hàng:** theo dõi tình hình mua bán hàng hóa trong kỳ, hạch toán kịp thời vào sổ sách một cách đầy đủ về các nghiệp vụ phát sinh, tình hình nhập xuất hàng hoá, kiểm kê hàng tồn kho,…liên hệ với phòng kinh doanh trong việc cung cấp thông tin về tình hình thiếu thừa hàng để có

quyết định phù hợp, đối chiếu với thủ kho để xử lý chênh lệch..

- **Kế Toán TSCĐ**: theo dõi việc khấu hao máy móc ,thiết bị được sử dụng trong doanh nghiệp và các tài sản cố định cho thuê hoạt động.Thời gian cho thuê và nhập về kho công ty, phương pháp khấu hao, tính toán phân bổ vào chi phí kinh doanh.Phản ánh tình hình tăng giảm TSCĐ từ lúc mua về cho đến khi báo hỏng.
- **Kế Toán Tiền Lương**: theo dõi, ghi chép phản ánh chính xác kịp thời số lượng nhân viên trong công ty. Hàng tháng phát sinh tăng giảm lao động đều phải lập báo cáo trình phòng lao động. Tính BHXH, BHYT, BHTN hàng quý. Lập các báo cáo về lao động , tổ chức tình hình quản lý và sử dụng quỹ lương, đề xuất các biện pháp sử dụng có hiệu quả tiềm năng lao động .
- **Kế Toán Thanh Toán:** theo dõi các khoản thu chi tiền mặt, công nợ khách hàng và các khoản phải trả nhà cung cấp. Kiểm kê đối chiếu số liệu tồn quỹ với thủ quỹ vào cuối ngày.
- **Thủ Quỹ** : chịu trách nhiệm về thu chi tiền mặt dựa vào các phiếu thu, phiếu chi, đối chiếu sổ sách với bộ phận kế toán thanh toán để đối chiếu số liệu. Cuối ngày ,thủ quỹ kiểm kê tiền mặt với sổ quỹ sau đó trình kế toán trưởng duyệt.

2.1.4.3. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty

2.1.4.3.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán

- Niên độ kế toán: Ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm tài chính
- Đơn vị tiền tệ sử dung: Việt Nam Đồng (VNĐ).

2.1.4.3.2. Chế độ kế toán áp dụng

Trước năm 2015, chế độ kế toán áp dụng theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Từ năm 2015 trở đi, công ty đã áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC được ban hành ngày bởi Bộ Tài Chính ngày 22/12/2014 cho chế độ kế toán.

Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung

2.1.4.3.3. Các chính sách kế toán áp dụng

✶ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và khoản tương đương tiền

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: theo tỉ giá thực tế phát sinh hoặc tỉ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

✶ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: được ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

✶ Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ & Bất Động Sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): TSCĐ hữu hình và vô hình ghi nhận theo nguyên giá, TSCĐ thuê tài chính ghi nhận theo giá thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: ghi nhận theo nguyên giá

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính) và bất động sản đầu tư : theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

✶ Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát :theo giá gốc.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: theo giá gốc.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: theo giá gốc.

✶ Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: ghi nhận vào chi phí SXKD trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực số 16 " Chi phí đi vay".

- Chi phí trả trước: theo giá gốc.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: theo phương pháp đường thẳng.

✶ Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn

khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỉ giá: là chênh lệch đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: là số lãi (lỗ) từ các hoạt động kinh doanh của DN khi trừ chi phí thuế TNDN năm nay và các khoản điều chỉnh của năm trước.

✶ **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng: tuân thủ theo 5 điều kiện ghi nhận doanh thu của Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác".

- Doanh thu cung cấp dịch vụ & Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ theo 4 điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ của Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác"

2.1.4.4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

- Hình thức sổ kế toán : Nhật ký chung
- Hình thức kế toán trên máy tính

2.1.4.4.1. Sơ đồ hệ thống thông tin kế toán trong môi trường thủ công

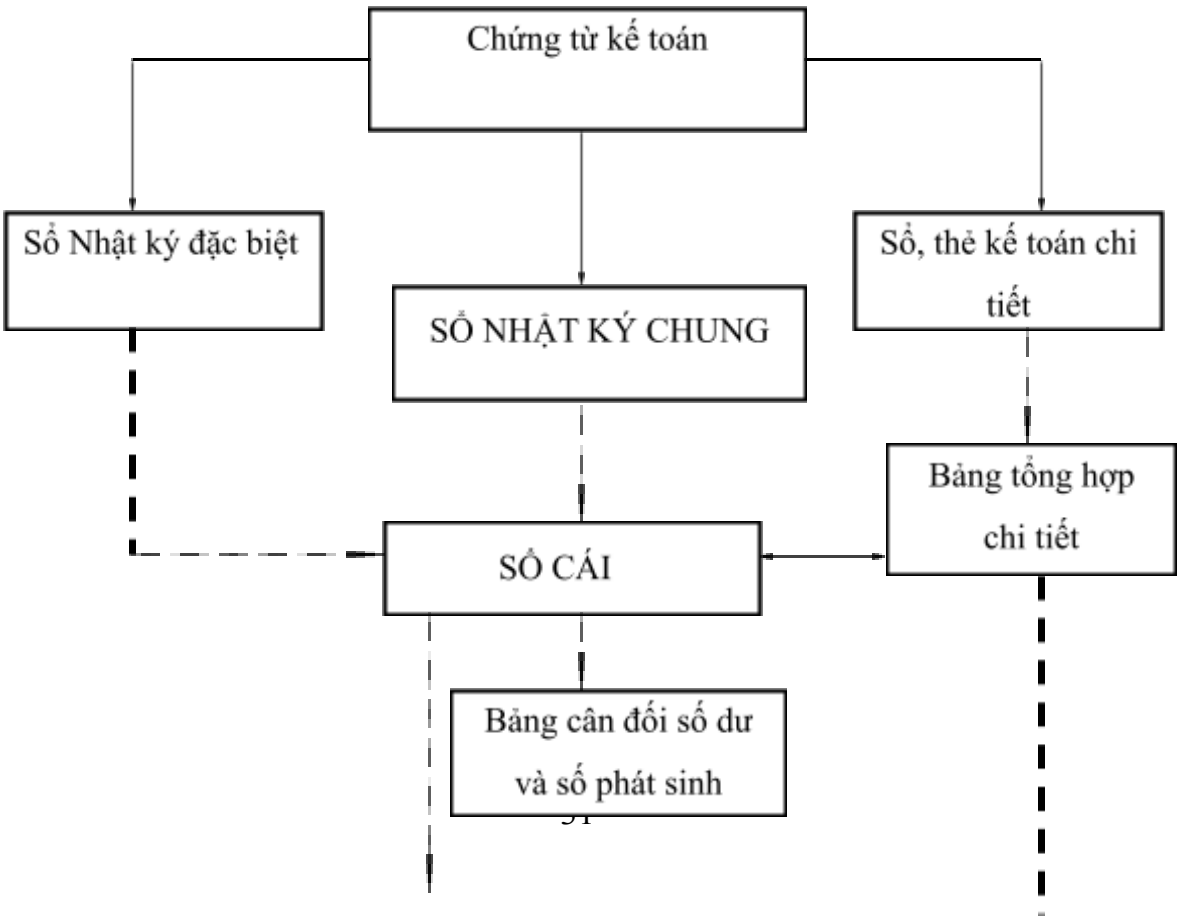

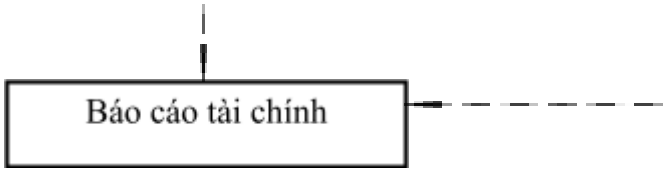

Ghi chú

Ghi hàng ngày hoặc định kỳ

Ghi cuối tháng

Quan hệ đối chiếu

Trình Tự Ghi Sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tuỳ khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp với số liệu số liệu nói trên, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập bảng cân đối kế toán và các mẫu biểu kế toán khác.

2.1.4.4.2. Sơ đồ hệ thống thông tin kế toán tin học

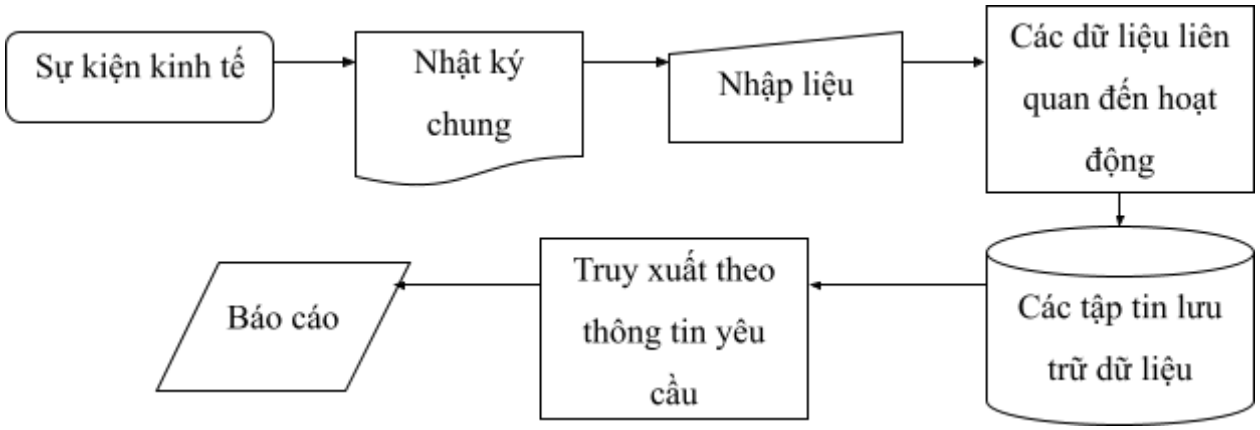

2.1.4.4.3. Phầm mềm kế toán sử dụng tại công ty

Công ty đang sử dụng phần mềm Misa version 7.9 dành cho doanh nghiệp vừa & nhỏ hỗ trợ chạy ổn định trên máy theo hình thức chứng từ ghi sổ an toàn, dữ liệu tốt và có tính bảo mật cao, phân quyền sử dụng cho từng người theo từng phân hệ đã được thiết lập.

PHẦN MỀM MISA VERSION 7.9

Phần mềm được cập nhật theo những chuẩn mực kế toán mới nhất do Bộ tài chính ban hành, cho phép truy xuất chứng từ gốc ngay trên giao diện & xuất khẩu dữ liệu ra phần mềm thuế của Cơ quan Thuế.

Các mẫu biểu báo cáo tài chính, báo cáo kho, công nợ…được lập thành nhiều biểu mẫu khác nhau và được phép kết xuất ra nhiều dạng: word, excel…

Giao diện đẹp, dễ sử dụng được thiết kế từ nhiều phân hệ độc lập phù hợp

cho từng kế toán viên ở mỗi bộ phận tích hợp với nhau tạo thành 1 hệ thống quản trị tài chính chặt chẽ.

2.2. THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU – PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH

2.2.1. Kế toán các khoản phải thu tại công ty

2.2.1.1. Kế toán phải thu khách hàng

Sau khi ký kết hợp đồng kinh tế với khách hàng thì công ty tiến hành lập các hồ sơ và bàn giao cho bên khách hàng gồm các nội dung chính trong hợp đồng. Khi khách hàng đến lấy chứng từ theo hợp đồng đã ký, kế toán sẽ lên hóa đơn bán hàng GTGT.

Khách hàng sau khi nhận chứng từ bàn giao thì tiến hành làm các thủ tục thanh toán tiền theo hợp đồng đã ký. Sau khi hóa đơn GTGT xuất ra và đưa cho kế toán trưởng ký duyệt, khách hàng có thể trả tiền ngay hoặc thanh toán qua chuyển khoản hoặc sau một thời gian nữa thì mới trả tiền và trở thành một khoản nợ của khách hàng đối với công ty. Công ty thu tiền từ khách hàng toàn bộ là tiền VNĐ (tiền USD sẽ đều được quy đổi ra VNĐ)

Về hóa đơn GTGT đã xuất thì liên 1 lưu trong cuốn gốc, liên 3 kèm theo chứng từ gốc lưu tại công ty, còn liên 2 giao cho khách hàng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, kế toán tiến hành ghi vào nhật ký chung, sổ chi tiết và sổ cái tài khoản 131.

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng

b) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT liên 1, liên 3
- Phiếu thu
- Hợp đồng kinh tế
- Giấy báo có
- Biên bản bù trừ công nợ,…

c) Sổ kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 131 (phụ lục 1.1)

- Sổ cái TK 131 (phụ lục 1.1)

d) Trích dẫn một số nghiệp vụ phát sinh

NV1: Ngày 31/1/2015 thu tiền phí dịch vụ bill SCSS-150203 của Công ty TNHH Quốc tế Han Young

✔ Kế toán định khoản

Nợ TK 131 3,854,246

Có TK 51111 3,503,860

Có TK 33311 350,386

✔ Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT số 0002117 (phụ lục 1.1)

NV2: Ngày 2/1/2015, thu tiền khách hàng của Công ty Cổ phần Kim & Kim

✔ Kế toán định khoản

Nợ TK 111 5,689,099

Có TK 131 5,689,099

✔ Chứng từ sử dụng: Phiếu thu 15/01/041 (phụ lục 1.1)

2.2.1.2. **Kế toán thuế GTGT được khấu trừ**

Thuế GTGT được khấu trừ ngay từ khi mua hàng hóa, dịch vụ.

Sau khi nhận được hóa đơn và thanh toán tiền hàng, công ty sẽ lấy liên đỏ về và tập hợp lại. Đến cuối tháng, các hóa đơn liên đỏ sẽ được lấy đưa để tập hợp làm sổ chi tiết thuế GTGT đầu vào.

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 133 – Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

b) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT liên 2
- Tờ khai thuế GTGT
- Biên lai nộp tiền
- Giấy báo nợ
- Phiếu chi,…

c) Quy trình lập và luân chuyển chứng từ

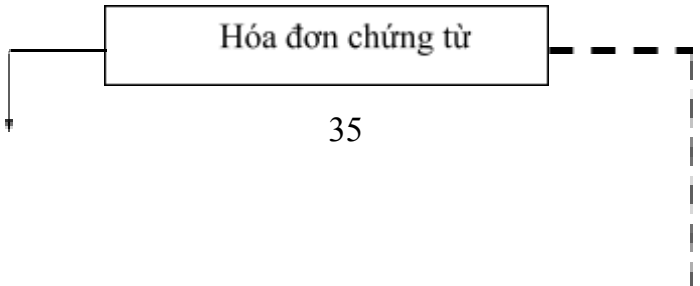

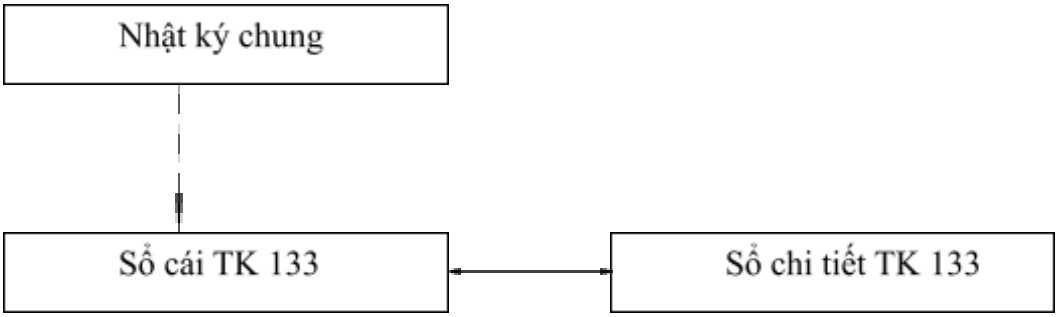

Ghi chú

Ghi hàng ngày hoặc định kỳ

Ghi cuối tháng

Quan hệ đối chiếu

d) Sổ kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 133 (phụ lục 1.2)
- Sổ cái TK 133 (phụ lục 1.2)

e) Trích dẫn một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty

NV1: Ngày 31/1/2015, trả tiền phí xe ô tô ra vào cổng, đậu qua đêm tháng 12/2014 cho Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)

✔ Kế toán định khoản

Nợ 642 103,818

Nợ 133 10,382

Có 111 114,200

✔ Chứng từ sử dụng: PC15/01/001 (phụ lục 1.2)

NV2: Thanh toán tiền thu hộ phí chứng từ hàng xuất, phí niêm chì, phí xếp dỡ cho Công ty TNHH KMTC (Việt Nam).

✔ Kế toán định khoản

Nợ TK 6321 3,307,800

Nợ TK 13311 174,095

Có TK 331 3,481,895

✔ Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT 0079439 (phụ lục 1.2)

2.2.1.3. Kế toán phải thu nội bộ

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 136 – Thu nội bộ

Công ty sử dụng TK 136 để theo dõi khoản phải thu nội bộ chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Thông Minh tại Hà Nội.

b) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn thuế GTGT, hóa đơn thông thường
- Phiếu thu, phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Biên bản bù trừ công nợ
- Giấy báo nợ, giấy báo có

c) Sổ kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 136 (phụ lục 1.3)
- Sổ chi tiết TK 136 (phụ lục 1.3)

d) Trích dẫn một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty

NV1: Ngày 13/3/2015, chuyển khoản tiền cho chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hóa Thông Minh tại Hà Nội

✔ Kế toán định khoản

Nợ TK 136 25,000,000

Có TK 11211 25,000,000

✔ Chứng từ sử dụng : UNC03/007

2.2.2. Kế toán các khoản phải trả tại công ty

2.2.2.1. Kế toán phải trả người bán

Khi nhận được hóa đơn mua hàng chưa thanh toán cho nhà cung cấp, kế toán tổng hợp sẽ nhập liệu vào phần mềm kế toán để cập nhật vào sổ chi tiết công nợ, đồng thời lưu hóa đơn là chứng từ gốc.

Khi thủ quỹ hoặc kế toán thanh toán lập phiếu chi, ủy nhiệm chi để thanh

toán tiền hàng cho nhà cung cấp đồng thời sẽ đi thanh toán (nếu là tiền mặt), sổ chi tiết công nợ sẽ được cập nhật.

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 331 – Phải trả người bán

b) Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Phiếu chi,…

c) Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 331 (phụ lục 2.1)
- Sổ chi tiết TK 331 (phụ lục 2.1)

d) Trích dẫn một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty

NV1 (Lấy lại ví dụ NV2 trong phần Kế toán thuế GTGT khấu trừ)

Thanh toán tiền thu hộ phí chứng từ hàng xuất, phí niêm chì, phí xếp dỡ cho Công ty TNHH KMTC (Việt Nam).

✔ Kế toán định khoản

Nợ TK 6321 3,307,800
Nợ TK 13311 174,095
Có TK 331 3,481,895

✔ Chứng từ sử dụng: Hóa đơn 00079439 (phụ lục 2.1)

2.2.2.2. Kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Về kế toán thuế và các khoản phải nộp nhà nước, Công ty TNHH Hàng Hóa Thông Minh chỉ sử dụng hai tài khoản là tài khoản 3331 "Thuế GTGT đầu ra phải nộp" và tài khoản 3334 "Thuế thu nhập doanh nghiệp".

Thuế GTGT đầu ra dựa vào doanh thu xuất hóa đơn của công ty.

Cuối kỳ, kế toán xác định số thuế GTGT phải nộp bằng cách lấy thuế GTGT đầu ra cấn trừ với thuế GTGT đầu vào.

Thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào

+ Nếu khoản cấn trừ này âm, tức là đầu vào lớn hơn đầu ra nên kế toán được chuyển số dư của 1331 sang kỳ sau để khấu trừ tiếp.
+ Nếu khoản cấn trừ này dương, tức là đầu vào nhỏ hơn đầu ra thì kế toán sẽ lấy khoản thuế GTGT phải nộp này nhân với thuế suất thuế TNDN là 22% để xác định thuế TNDN mà công ty phải đóng.

Thuế TNDN = Thuế GTGT phải nộp x Thuế suất thuế TNDN

- **Thuế GTGT đầu ra phải nộp**

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 3331 - Thuế GTGT đầu ra phải nộp

b) Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Tờ khai thuế
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra theo mẫu quy định…

c) Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 333 (phụ lục 2.2.1.1)

d) Quy trình lập và luân chuyển chứng từ

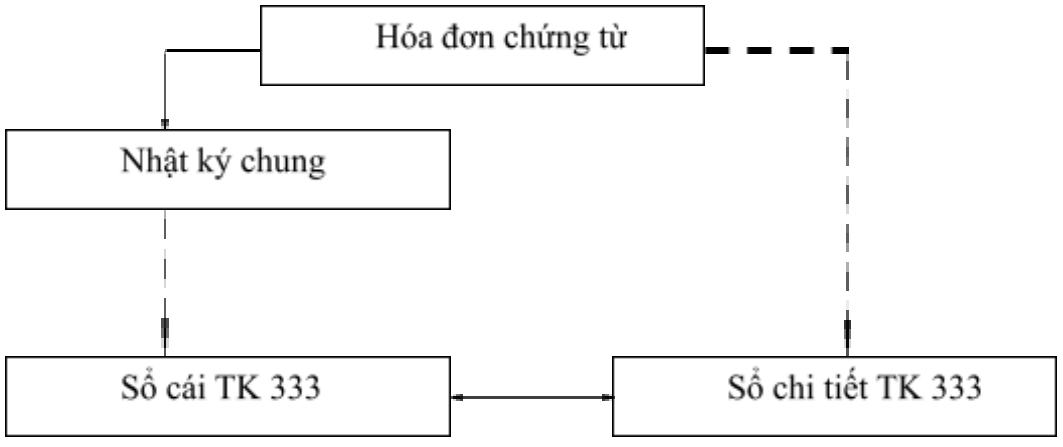

e) Trích dẫn một số nghiệp vụ phát sinh

NV1 (lấy lại ví dụ trong NV1 thuộc mục Kế toán phải thu khách hàng).

Ngày 31/1/2015 thu tiền phí dịch vụ bill SCSS-150203 của Công ty TNHH Quốc tế Han Young

✔ Kế toán định khoản

Nợ TK 131	3,854,246	
Có TK 51111		3,503,860
Có TK 33311		350,386

Chứng từ sử dụng: Hóa đơn 0002117 (phụ lục 2.2.1.1)

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Tài khoản sử dụng

3334 - Thuế TNDN

b) Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Tờ khai báo thuế

c) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 3334 (phụ lục 2.2.1.2)
- Sổ cái TK 3334

d) Quy trình lập và luân chuyển chứng từ

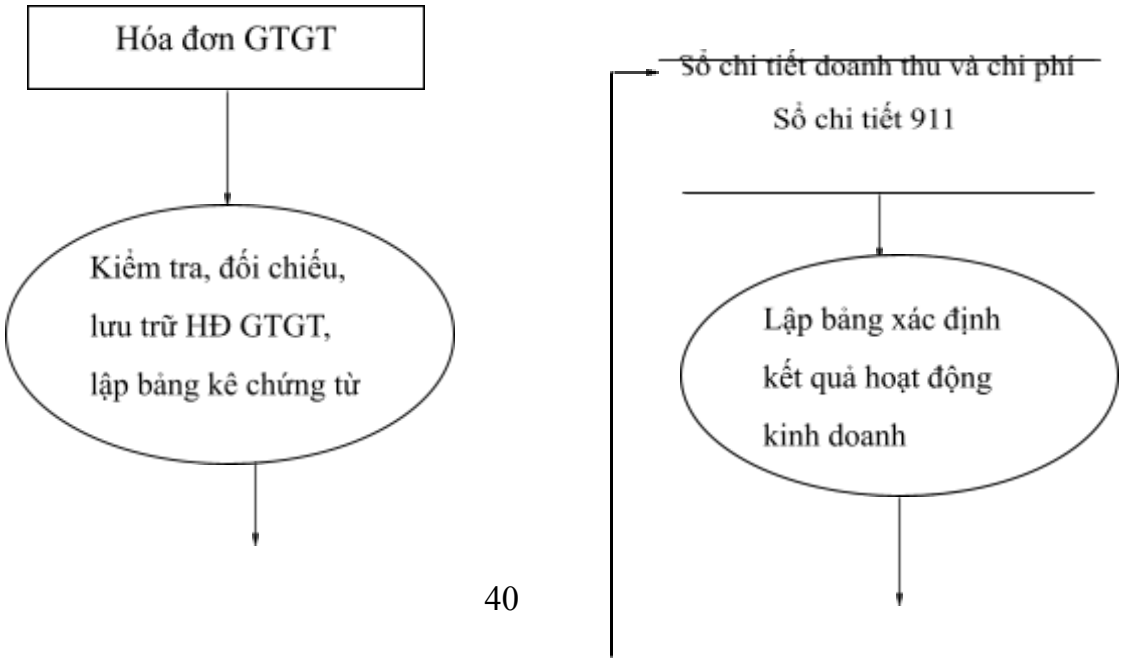

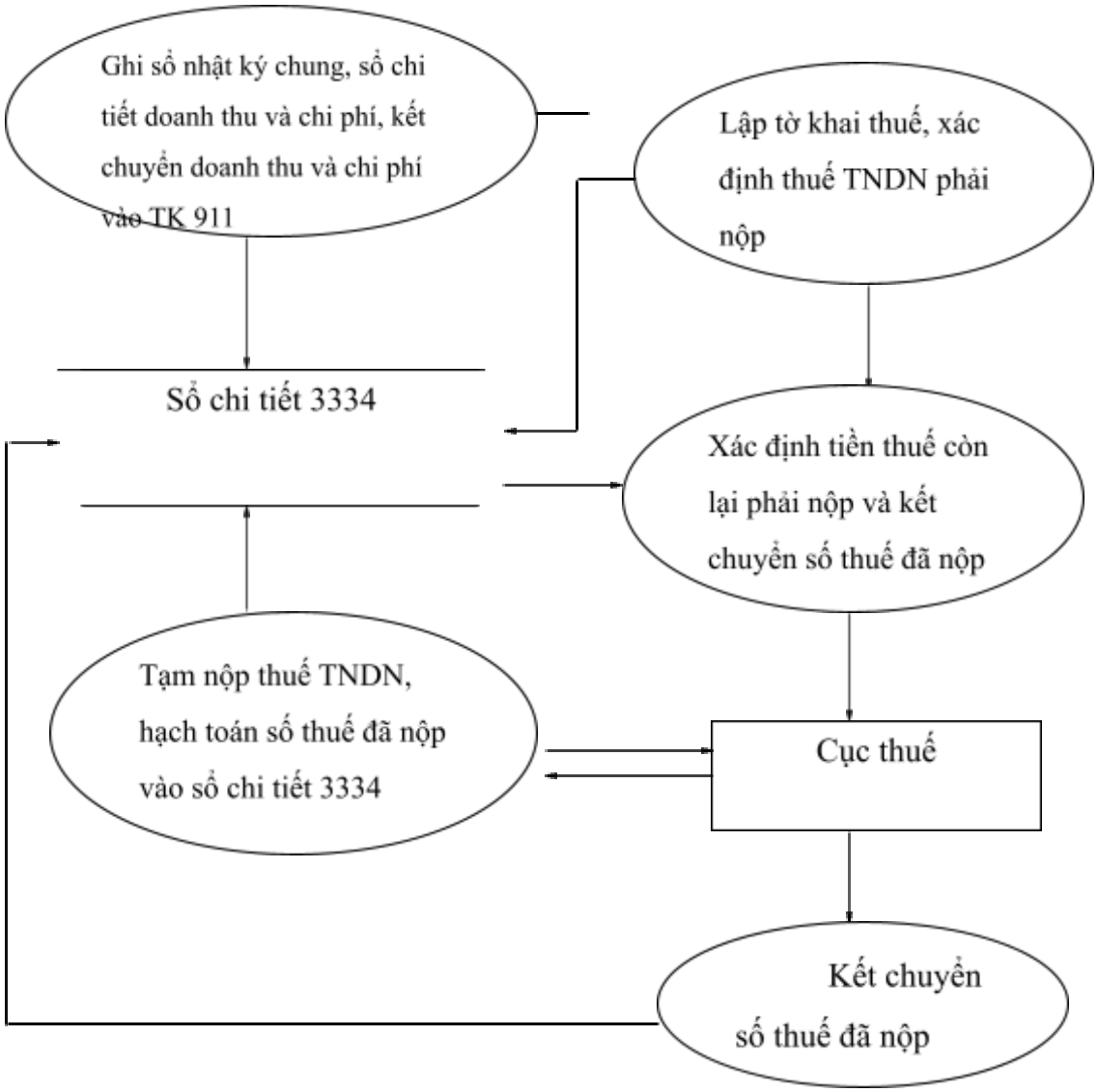

e) Ví dụ về nghiệp vụ phát sinh trong công ty

NV1: Đóng thuế TNDN năm 2014 (phụ lục 2.2.1.2)

✔ Kế toán định khoản

Nợ 3334 14,758,655

Có TK 11211 14,758,655

2.2.2.3. **Kế toán phải trả người lao động**

Hiện nay, Công ty Thông Minh thực hiện hình thức chấm công bằng máy check vân tay mỗi khi nhân viên đi làm và tan làm. Bên cạnh đó, hình thức trả lương được Công ty áp dụng là hình thức trả lương theo thời gian.

Vào ngày 10 hàng tháng, kế toán tiền lương sẽ kiểm tra bảng chấm công và

một số chứng từ liên quan cần thiết khác, sau đó kế toán sẽ tiến hành tính lương cho nhân viên như sau

$$\textbf{\textit{Lương tháng}} = \frac{Lương\ thỏa\ thuận}{Ngày\ công\ chuẩn\ của\ tháng\ x\ Số\ ngày\ nghỉ\ không\ lương}$$

(Ngày công chuẩn của tháng là ngày làm việc trong tháng, không bao gồm các ngày nghỉ.)

Với hình thức trả lương này, nhân viên sẽ không hề băn khoăn về mức thu nhập của chính mình trong mỗi tháng, bởi số tiền chỉ giảm xuống khi nhân viên nghỉ không hưởng lương.

Bên cạnh đó, vào những ngày lễ, nhân viên có thể sẽ được thưởng thêm 50% lương tùy vào tình hình của công ty.

Sau khi đã tính lương cũng như các khoản trích lương xong, hoạt động thanh toán trả lương đó là chuyển khoản vào thẻ ngân hàng của nhân viên.

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 334 – Phải trả người lao động.

b) Chứng từ sử dụng

- Bảng lương (phụ lục 2.3)
- Bảng chấm công

c) Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 334
- Sổ chi tiết TK 334

d) Quy trình lập và luân chuyển chứng từ

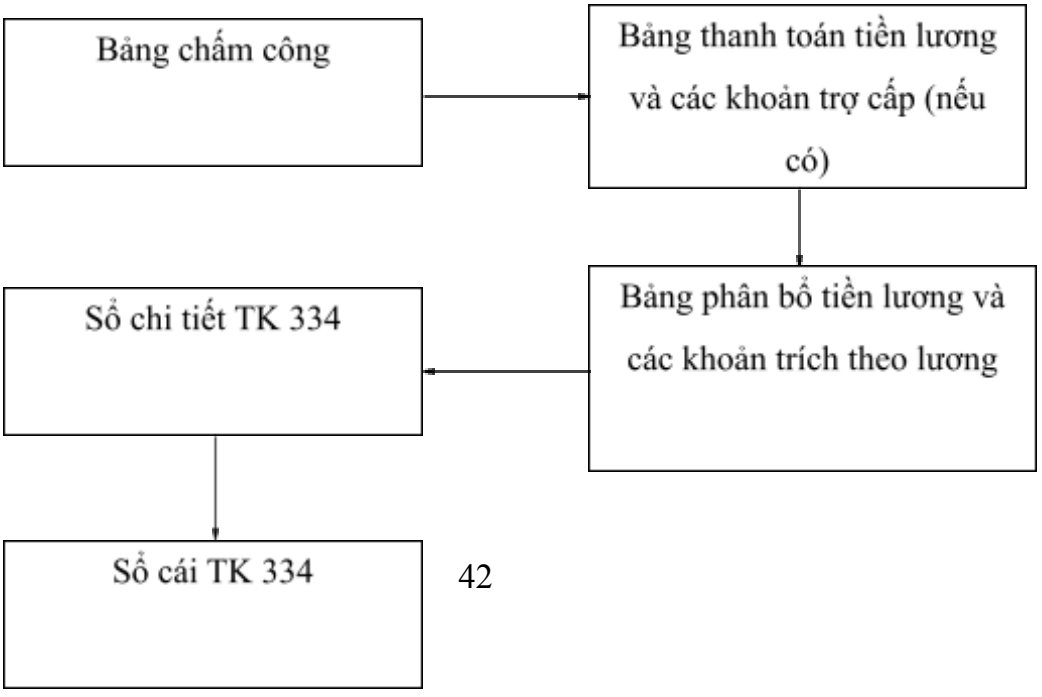

e) Ví dụ về nghiệp vụ kế toán trong công ty

NV1: Trả lương cho nhân viên Trần Thị Tú Anh (phụ lục 2.3)

✔ Kế toán định khoản

Nợ 64211 8,055,000

Có 3341 8,055,000

2.2.2.4 Kế toán các khoản phải trả, phải nộp khác tại công ty

Trong Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hóa Thông Minh, các khoản phải trả - phải nộp khác chỉ sử dụng các tài khoản Bảo hiểm xã hội (3383), Bảo hiểm Y tế (3384) và Bảo hiểm thất nghiệp (3389) cho các khoản trích lương. Trong công ty không sử dụng tài khoản Kinh phí công đoàn (3382).

Tỷ lệ các khoản trích lương như sau

Các loại bảo hiểm tham gia	Công ty (%)	Nhân viên (%)	Cộng (%)
BHXH	18	8	26
BHTN	1	1	2
BHYT	3	1.5	4.5
Cộng	**22**	**10.5**	**32.5**

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 338 - Phải trả, phải nộp khác.

b) Chứng từ sử dụng

- Giấy nộp tiền
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi

c) Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 338
- Sổ chi tiết TK 338 (phụ lục 2.4)

d) Ví dụ về nghiệp vụ kế toán trong công ty

NV1: Đóng BHXH tháng 11/2015 (phụ lục 2.4)

✔ Kế toán định khoản

Nợ TK 338 11,232,813

Có TK 11211 11,232,813

NV2: Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên Vũ Thị Thu Trang (phụ lục bảng lương 2.3)

✔ Kế toán định khoản

Nợ TK 64211 2,750,000

Nợ TK 3341 1,312,500

Có TK 338 4,062,500

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ VÀ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU-PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH

3.1. Nhận xét về tình hình công ty

3.1.1 Những khó khăn

Vốn lưu động : tham gia vào thị trường, công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn về vốn lưu động, đây chính là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc giảm khả năng cạnh tranh. Đây cũng là một vấn đề luôn gây đau đầu cho các nhà đầu tư kinh doanh.

Phương tiện vận chuyển : do chưa trang bị đầy đủ phương tiện chuyên chở nên khi có nhu cầu vận chuyển hàng, giao lệnh hoặc đi thu tiền khách hàng, công ty phải tốn khoản tiền xe tải, xe ôm làm phát sinh thêm chi phí.

Áp lực cạnh tranh : cạnh tranh cũng là vấn đề sống còn đối với một doanh nghiệp. Để đứng vững và tồn tại, công ty phải đối đầu với các yếu tố nội tại : khả năng thu hút khách hàng tạo lòng tin sự tín nhiệm, chất lượng phục vụ chăm sóc khách hàng, giá cả phải chăng vì đối tượng khách hàng của công ty là những người làm việc trong lĩnh vực logistics nên nhu cầu đòi hỏi về giá là rất cao. Công ty gặp phải sự cạnh tranh gay gắt đối với các công ty cùng ngành, đây là quy luật của thị trường nên cần phải phát huy những thế mạnh và khắc phục những khó khăn đang tồn tại.

3.1.2 Những thuận lợi

Số lượng khách hàng : chỉ trong một thời gian ngắn nhờ vào sự quen biết, giao thiệp rộng cùng với cung cách phục vụ tốt, công ty đã có trên 200 khách hàng và trong số đó có những khách hàng tiềm năng có mối quan hệ thân thiết. Đây là một tín hiệu rất tốt tỉ lệ thuận với doanh thu của công ty ngày càng tăng.

Nhân sự : đội ngũ nhân viên năng lực, giàu kinh nghiệm giúp cho sự tín nhiệm của khách hàng tăng cao về các dịch vụ công ty cung cấp. Bộ máy quản lý chặt chẽ, logic, các bộ phận khác như kinh doanh, kế toán cũng hoàn thành tốt các chỉ tiêu, yêu cầu được giao. Đồng thời giữa các bộ phận này có sự kết hợp tốt và ăn ý giúp cho cả bộ máy hoạt động đồng bộ, logic. Công ty cũng có những chế độ chính sách khuyến khích nhân viên nâng cao hiệu quả hoạt động.

3.2. Nhận xét chung về công tác kế toán các khoản phải thu- phải trả tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Thông Minh

3.2.1. Những ưu điểm

3.2.1.1. Về cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán

Nhìn chung công ty đã xây dựng hệ thống kế toán và công tác luân chuyển chứng từ rất hoàn chỉnh, chặt chẽ giữa nội bộ phòng kế toán và các phòng ban công tác trong công ty. Việc áp dụng máy vi tính vào công tác kế toán đã giúp việc ghi sổ được gọn nhẹ hơn.

Đội ngũ nhân viên kế toán của công ty có trình độ, chuyên môn cao, đáp ứng được những yêu cầu công việc.

3.2.1.2. Về chứng từ kế toán

Bộ phận kế toán phân công nhiệm vụ cụ thể nhưng không tách biệt hoàn toàn, luôn có sự phối hợp, kiểm tra, đối chiếu lẫn nhau để hạn chế tối đa sai sót, tăng độ tin cậy của báo cáo tài chính. Các chứng từ, sổ sách luôn được ghi chép và bảo quản rất chặt chẽ, hơn nữa với sự hỗ trợ của máy tính nên công tác ghi chép bảo quản số liệu trở nên nhanh chóng, dễ dàng và mang tính bảo mật rất cao.

3.2.1.3. Về sổ sách kế toán

Công tác hạch toán hợp lý, phù hợp với quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Đối với kế toán phải thu khách hàng: Công ty lập riêng Bảng theo dõi các khoản phải thu để tiện cho việc theo dõi khách hàng cần thu hồi nợ hàng năm. Việc tổ chức theo dõi thường xuyên các khoản nợ đã làm cho công tác quản lý thuận lợi, dễ đối chiếu, kiểm tra khi cần thiết, cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản trị trong việc ra quyết định.

Đối với kế toán phải trả người bán thì kế toán cũng mở chi tiết theo dõi từng đối tượng trả và ghi chép đầy đủ từng lần thanh toán theo đúng quy định

Đối với kế toán thanh toán Nhà nước, kế toán mở đầy đủ các sổ theo đúng quy định.

Đối với các khoản phải trả, phải nộp khác: công tác hạch toán chế độ BHYT, BHXH, BHTN đầy đủ, theo đúng chế độ hiện hành.

3.2.2. Những nhược điểm

3.2.2.1. Về kế toán các khoản phải thu khách hàng

Sổ kế toán chi tiết các tài khoản phải thu khách hàng đã áp dụng mẫu chung của Bộ Tài Chính. Tuy nhiên chưa thể hiện được số tiền chiết khấu, số ngày được chiết khấu, thời hạn thanh toán là bao nhiêu ngày… Như vậy sẽ gây ít nhiều khó khăn cho việc theo dõi công nợ.

Công ty đã quá tập trung vào phần nợ phải thu khách hàng mà ít quan tâm đến nợ phải trả cho nhà cung cấp.

3.2.2.2. Về kế toán phải trả người lao động

Việc tính lương vào giữa tháng 10 hàng tháng tháng dễ gây nhầm lẫn, do đó gây khó khăn trong việc chi trả lương.

Các khoản lương phép, lương ngày nghỉ chưa thanh toán kịp thời vào hàng tháng, các khoản trợ cấp BHXH, BHYT, BHTN chưa được tiến hành kịp thời.

3.2.2.3. Về việc trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi

Trong thực tế, hoạt động của doanh nghiệp đôi khi có các khoản phải thu của khách hàng khó đòi và công ty cũng đã tiến hành nhiều biện pháp để thu nợ. Mặc dù có thu lại được số tiền nợ, nhưng việc để nợ quá lâu làm cho vốn của công ty bị chiếm dụng trong một thời gian dài, ảnh hưởng đến quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, công ty lại không tiến hành lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

3.3. Một số giải pháp, ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán các khoản phải thu, phải trả tại Công ty

3.3.1. Đối với tình hình hoạt động của công ty

Thiếu vốn lưu động luôn là vấn đề nan giải đối với các doanh nghiệp khi các khoản chi phí ban đầu tăng cao nhưng doanh thu chưa thể bù đắp được. Lúc này nếu không thể xoay được đồng vốn thì những khoản cắt giảm chi phí và xử lý các khoản nợ khó đòi sẽ là giải pháp tốt nhất. Công ty nên cắt giảm một số khoản chi phí không cần thiết như giảm chi phí tiếp khách…, hay phí vận chuyển hàng hóa. Công nợ khó đòi cũng gây ứ đọng vốn không kém cần phải theo dõi đôn đốc việc thu hồi công nợ và trên hợp đồng kinh tế đều có quy định số hạn nợ và chịu phạt khi quá số ngày quy định.

Phương tiện vận chuyển : khi phải chở một số lượng hàng hóa lớn và thường xuyên, công ty nên đầu tư phương tiện chuyên chở .Tuy phải tốn một khoản chi phí ban đầu nhưng sẽ giảm một khoản chi phí phát sinh hàng kỳ lớn hơn việc khấu hao tài sản hàng năm.

Áp lực cạnh tranh là điều không thể thiếu trong nên kinh tế thị trường, giúp cho công ty có thể phát huy hết những tiềm năng và lợi thế riêng của mình để đứng vững, ngang tầm với các công ty cùng ngành. Công ty nên quảng bá hình ảnh và chất lượng dịch vụ đến khách hàng, xây dựng chiến lược marketing một cách hữu hiệu. Bộ phận văn phòng kế toán cũng phải được theo dõi chặt chẽ để chứng từ, sổ sách luôn được luân chuyển hợp lý.

3.3.2. Đối với kế toán các khoản phải thu khách hàng

Sổ kế toán chi tiết các tài khoản phải thu khách hàng, kế toán đã áp dụng mẫu chung của Bộ Tài chính. Tuy nhiên để thuận lợi hơn cho việc theo dõi các khoản nợ của từng khách hàng, đặc biệt báo cáo số liệu cuối kỳ cho Ban Giám đốc, công ty có thể thiết kế mẫu số mới chi tiết hơn. Việc làm này sẽ giúp cho nhà quản lý trong việc theo dõi những khách hàng đã thanh toán, đến hạn thanh toán hoặc quá hạn thanh toán để từ đó công ty có hướng thu hồi nợ hợp lý và đúng hạn, tránh trường hợp vốn bị chiếm dụng quá lâu.

3.3.3. Đối với khoản phải trả người lao động

Cần trả lương và các loại bảo hiểm xã hội đúng ngày để đảm bảo quyền lợi cho nhân viên.

3.3.4. Về việc trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi

Do số lượng khách hàng quá nhiều nên việc theo dõi khoản phải thu sẽ phải gặp nhiều khó khăn nên công ty cần phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản thu quá lớn, quá hạn thanh toán.

Đối với những khoản thu quá hạn thanh toán, ức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên

3.3.5. Một số giải pháp hỗ trợ khác

❖ **Về phần mềm chuyên dụng dùng trong công ty**

Khi sử dụng phần mềm bị lỗi phải bảo trì thường xuyên, công ty nên liên hệ với nhà cung cấp phần mềm để có thể khắc phục, bảo vệ dữ liệu. Đồng thời phải bảo vệ máy tính chống sự xâm nhập của virus vào mạng nội bộ của công ty, phá hỏng phần mềm.

❖ **Việc nguồn nhân lực của công ty**

Đề cử những nhân viên có năng lực, nhạy bén đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ tin học khi có quyết định ứng dụng tin học mới.

Tuyển chọn nhân viên các phòng ban có năng lực, có đạo đức để làm việc khoa học, chính xác và hiệu quả.

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập nghiên cứu tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Thông Minh đã cho em thấy trong cơ chế thị trường hiện nay mang tính chất cạnh tranh gay gắt, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải đề ra phương án kinh doanh thích hợp, phân tích hoạt động kinh tế, nắm vững mọi thông tin trên thị trường và sử dụng vốn một cách có hiệu quả.

Tuy thời gian thực tập không nhiều nhưng đã đem lại cho em những kiến thức bổ ích và đó cũng là yếu tố quan trọng giúp em vững bước trên con đường sự nghiệp sau này của một nhân viên kế toán thực sự. Mặt khác, cũng chính trong thời gian thực tập này em đã nhận ra rằng thực tế hoạt động kế toán ở doanh nghiệp có phần khác xa với lý thuyết đã được trang bị tại trường. Tuy nhiên, hai yếu tố này có quan hệ mật thiết nhau. Chính những lý thuyết cơ bản đã học là những kiến thức rất quan trọng giúp em tiếp cận thực tế trong công việc. Đồng thời cũng để em hiểu rõ sâu rộng hơn về ngành nghề mình đã học và là hành trang cho em trong tương lai.

Đề tài báo cáo này đã được hoàn thiện trên những kiến thức em đã học cùng với sự cố gắng hết mình. Ngoài ra còn có sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn, ban lãnh đạo và các chị trong phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Thông Minh. Song với kiến thức còn hạn chế mà nội dung thì rộng nên việc phân tích, đánh giá vẫn chưa hoàn thiện hoàn toàn. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô và các chị phòng kế toán để được nâng cao kiến thức hơn nữa.

PHỤ LỤC

1. Kế toán các khoản phải thu

1.1. Kế toán phải thu khách hàng

HÓA ĐƠN GTGT (NV1)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH *(SMART CARGO SERVICE CO., LTD)*

Mã số thuế *(Tax code)* : 0 3 0 4 9 8 0 8 0 1

Địa chỉ *(Address)* : Phòng 203, Lầu 2, Tòa nhà Thăng Long, Số 06 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)* : (84.8) 3948 0686 / Fax : (84.8) 3948 0663

Số tài khoản *(A/C No.)* : + SHINHAN VIETNAM BANK VND : 750-500-077 096
+ VIETCOMBANK - HCM VND : 037.100.3776458

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Liên 1 : Lưu *(Copy 1 : File)*

Mẫu số *(Form)* : 01GTKT3/003
Ký hiệu *(Serial)* : TM/14P
Số HĐ *(Inv. No.)* : 0002117

Ngày *(Date)* 31 tháng *(month)* 01 năm *(year)* 2015

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)* :
Tên đơn vị *(Company's name)* : CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ HAN YOUNG
Địa chỉ *(Address)* : Cụm CN Cty CP Thành Phố Đẹp-KP.Ông Đông-P.Tân Hiệp -TX.Tân Uyên-T.Bình Dương
Mã số thuế *(Tax code)* : 3700985365
Hình thức thanh toán *(Payment method)* : CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Tiền trước thuế (Pre-tax amount)	Thuế GTGT (VAT amount)		Thành tiền (Total amount)
						Thuế suất GTGT (VAT rate %)	Tiền thuế (VAT amount)	
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Bill: SCSS-150203							
	Phí khai Hải Quan tự động	Lô	1	854.600	854.600	10	85.460	940.060
	Phí chứng từ	Bộ	1	640.950	640.950	10	64.095	705.045
	Phí chì (Seal fee)	Cont	1	170.920	170.920	10	17.092	188.012
	Phí xếp dỡ (Phí THC)	Cont	1	1.837.390	1.837.390	10	183.739	2.021.129
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total invoice amount)* :					3.503.860		350.386	3.854.246

Số tiền viết bằng chữ : Ba triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng chẵn
(Amount in words)

Người mua hàng *(Customer)*
Ký, ghi rõ họ tên
(Sign & full name)

BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI

Người bán hàng *(Seller)*
Ký, ghi rõ họ tên
(Sign & full name)

Trần Thị Mai Trâm

Thủ trưởng đơn vị *(Director)*
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên
(Sign, stamp & full name)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH Giấy Vi Tính Liên Sơn.Mã số thuế: 0301452923 - ĐT: (08) 39 100 555

PHIẾU THU (NV2)

Đơn vị: .....
Địa chỉ: .....

PHIẾU THU Số: 041

Ngày 02 Tháng 01 năm 2015

Quyển số: .....

Mẫu số 01 - TT
(Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Nợ : .....
Có : .....

Họ tên người nộp tiền: Công ty Cổ phần Kim & Kim
Địa chỉ: .....
Lý do nộp: Thu tiền khách hàng
Số tiền: 5.689.099 (viết bằng chữ) .....

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Ngày 02 Tháng 01 năm 2015

Người lập phiếu	Người nộp tiền	Thủ quỹ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Quỳnh				

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): .....
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....
+ Số tiền quy đổi: .....
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

SỔ CHI TIẾT TK 131

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH
P.203, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN
TÀI KHOẢN: 131 - PHẢI THU KHÁCH HÀNG
TỪ NGÀY: 01-01-2015 ĐẾN NGÀY: 31-12-2015

SỐ DƯ NỢ ĐẦU KỲ: 832,513,982

CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK Đ.ỨNG	SỐ PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ				NỢ	CÓ
29-Jun	0000486	Công ty TNHH Kỹ thuật Tự động Hàn Mỹ Việt -	Phí bốc xếp, phụ trội, chứng từ, đại lý, xếp dỡ	33311	250,059	0
29-Jun	0000487	Công ty TNHH Kỹ thuật Tự động Hàn Mỹ Việt -	Phí bốc xếp, phụ trội, chứng từ, đại lý, xếp dỡ	51111	3,190,387	0
29-Jun	0000487	Công ty TNHH Kỹ thuật Tự động Hàn Mỹ Việt -	Phí bốc xếp, phụ trội, chứng từ, đại lý, xếp dỡ	33311	319,039	0
		.....				
3-Nov	0001618	Công ty TNHH Baiksan Việt Nam - KHBAIKSAN	Phí vệ sinh cont, phí phụ trội, phí chứng từ, phí	51111	6,080,560	0
3-Nov	0001619	Công ty TNHH Baiksan Việt Nam - KHBAIKSAN	Cước vận chuyển quốc tế	51111	19,001,750	0
2-Jan	**PT15/01/041**	**Công ty Cổ phần Kim & Kim - KHKKIM**	**Thu tiền theo khách hàng**	**1111**	**0**	**5,689,099**
2-Jan	PKT15/01/011	Công ty TNHH Baiksan Việt Nam - KHBAIKSAN	Điều chỉnh số dư đầu kỳ	8113	0	8,990
5-Jan	PT15/01/043	CTY TNHH Đầu tư TM và DV Hưng Việt - KH727	Thu theo khách hàng	1111	0	1,650,000
		.....				
31-Jan	0002115	Công ty TNHH Quốc tế Han Young - KHQTHY	Phí chứng từ, phí chì, phí xếp dỡ	33311	1,150,506	0
31-Jan	0002116	Công ty TNHH Quốc tế Han Young - KHQTHY	Cước vận chuyển quốc tế	51111	67,940,700	0
31-Jan	**0002117**	**Công ty TNHH Quốc tế Han Young - KHQTHY**	**Phí khai hải quan tự động, phí chứng từ, phí**	**51111**	**3,503,860**	**0**
31-Jan	**0002117**	**Công ty TNHH Quốc tế Han Young - KHQTHY**	**Phí khai hải quan tự động, phí chứng từ, phí**	**33311**	**350,386**	**0**
31-Jan	0002118	Công ty Cổ phần Sao Việt - KHSVIET	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ, phí bảo	51111	17,788,220	0
31-Jan	0002118	Công ty Cổ phần Sao Việt - KHSVIET	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ, phí bảo	33311	1,778,822	0
31-Jan	0002119	Công ty Cổ phần Sao Việt - KHSVIET	Cước vận chuyển quốc tế	51111	767,340	0
31-Jan	0002120	Công ty Cổ phần Sao Việt - KHSVIET	Cước vận chuyển quốc tế	51111	9,980,749	0
		.....				
31-Dec	PKT15/12/006	Yantai Lucky Shipping Co.,Ltd - KH549	Chênh lệch tỷ giá do khác ngày thanh toán	6351	0	978,215
31-Dec	PKT15/12/007	BTS LOGISTICS CO , LTD - KHBTSLO	Chênh lệch tỷ giá do khác ngày thanh toán	6351	0	722,413
31-Dec	PKT15/12/008	J-1 TRANS CO., LTD. - KHJ1	Chênh lệch tỷ giá do khác ngày thanh toán	6351	0	288,560
31-Dec	PKT15/12/009	Prime Global Logistics Co., Ltd - KHPRIME	Chệnh lệch tỷ giá do khác ngày thanh toán	6351	0	750,850
					TỔNG PHÁT SINH NỢ:	**35,148,849,599**
					TỔNG PHÁT SINH CÓ:	**35,456,750,893**
					SỐ DƯ NỢ CUỐI KỲ:	**524,612,688**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Đỗ Thị Thanh

SỔ CÁI TK 131

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH
P.203, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế: 0304980801
Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số
ngày 20/03/2006 của Bộ

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TÀI KHOẢN: 131 - PHẢI THU KHÁCH HÀNG

TỪ NGÀY: 01-01-2015 ĐẾN NGÀY: 31-12-2015

SỐ DƯ NỢ ĐẦU KỲ: **832,513,982**

NGÀY THÁNG GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	NHẬT KÝ		TK Đ.ỨNG	SỐ TIỀN	
	SỐ HIỆU	NGÀY THÁNG		TRANG SỔ	STT DÒNG		NỢ	CÓ
			SỐ TRANG TRƯỚC CHUYỂN				0	0
A	B	C	D	E	G	H	1	2
1/2/2015	PT15/01/041	1/2/2015	Thu tiền theo khách hàng			1111	0	5,689,099
1/2/2015	PKT15/01/011	1/2/2015	Điều chỉnh số dư đầu kỳ			8113	0	8,990
1/5/2015	PT15/01/043	1/5/2015	Thu theo khách hàng			1111	0	1,650,000
1/5/2015	0001836	1/5/2015	Cước vận chuyển quốc tế T12/2014			51112	27,826,500	0
1/5/2015	0001837	1/5/2015	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ, phí đại lý, phí xếp dỡ			51111	3,861,463	0
1/5/2015	0001837	1/5/2015	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ, phí đại lý, phí xếp dỡ			33311	386,147	0
1/5/2015	0001838	1/5/2015	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ			51111	4,417,307	0
1/5/2015	0001838	1/5/2015	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ			33311	441,731	0
1/5/2015	0001839	1/5/2015	Phí vệ sinh cont, phí phụ trội, phí chứng từ, phí Handling, phí xếp dỡ			51111	12,671,760	0
1/5/2015	0001839	1/5/2015	Phí vệ sinh cont, phí phụ trội, phí chứng từ, phí Handling, phí xếp dỡ			33311	1,267,176	0
1/5/2015	0001840	1/5/2015	Cước vận chuyển quốc tế			51112	68,598,744	0
1/5/2015	0001841	1/5/2015	Phí vệ sinh cont, phí phụ trội, phí chứng từ, phí Handling, phí xếp dỡ			51111	6,978,030	0
1/5/2015	0001841	1/5/2015	Phí vệ sinh cont, phí phụ trội, phí chứng từ, phí Handling, phí xếp dỡ			33311	697,803	0
1/5/2015	0001842	1/5/2015	Cước vận chuyển quốc tế			51112	19,016,202	0
1/5/2015	0001843	1/5/2015	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ, phí xếp dỡ			51111	920,415	0
1/5/2015	0001843	1/5/2015	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ, phí xếp dỡ			33311	92,042	0
1/5/2015	0001844	1/5/2015	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ, phí Handling, phí xếp dỡ			51111	4,532,509	0
			.....					
1/31/2015	0002117	1/31/2015	Phí khai hải quan tự động, phí chứng từ, phí chì, phí xếp dỡ			51111	3,503,860	0
1/31/2015	0002117	1/31/2015	Phí khai hải quan tự động, phí chứng từ, phí chì, phí xếp dỡ			33311	350,386	0
			.....					
12/31/2015	0002227	12/31/2015	Cước vận chuyển quốc tế tháng 1-10/2015			51112	79,002,700	0
12/31/2015	0002228	12/31/2015	Cước vận chuyển quốc tế tháng 9,10/2015			51112	103,966,652	0
12/31/2015	0002229	12/31/2015	Cước vận chuyển quốc tế tháng 10,11,12/2015			51112	117,208,000	0
12/31/2015	PKT15/12/006	12/31/2015	Chênh lệch tỷ giá do khác ngày thanh toán			6351	0	978,215
12/31/2015	PKT15/12/007	12/31/2015	Chênh lệch tỷ giá do khác ngày thanh toán			6351	0	722,413
12/31/2015	PKT15/12/008	12/31/2015	Chênh lệch tỷ giá do khác ngày thanh toán			6351	0	288,560
12/31/2015	PKT15/12/009	12/31/2015	Chênh lệch tỷ giá do khác ngày thanh toán			6351	0	750,850
						TỔNG PHÁT SINH		**35,148,849,599**
Sổ này có 234 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 234						**TỔNG PHÁT SINH**		**35,456,750,893**
Ngày mở sổ: 01-03-2016						**SỐ DƯ NỢ CUỐI**		**524,612,688**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
	Đỗ Thị Thanh	Yoon Daeic

1.2. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ

PHIẾU CHI (NV1)

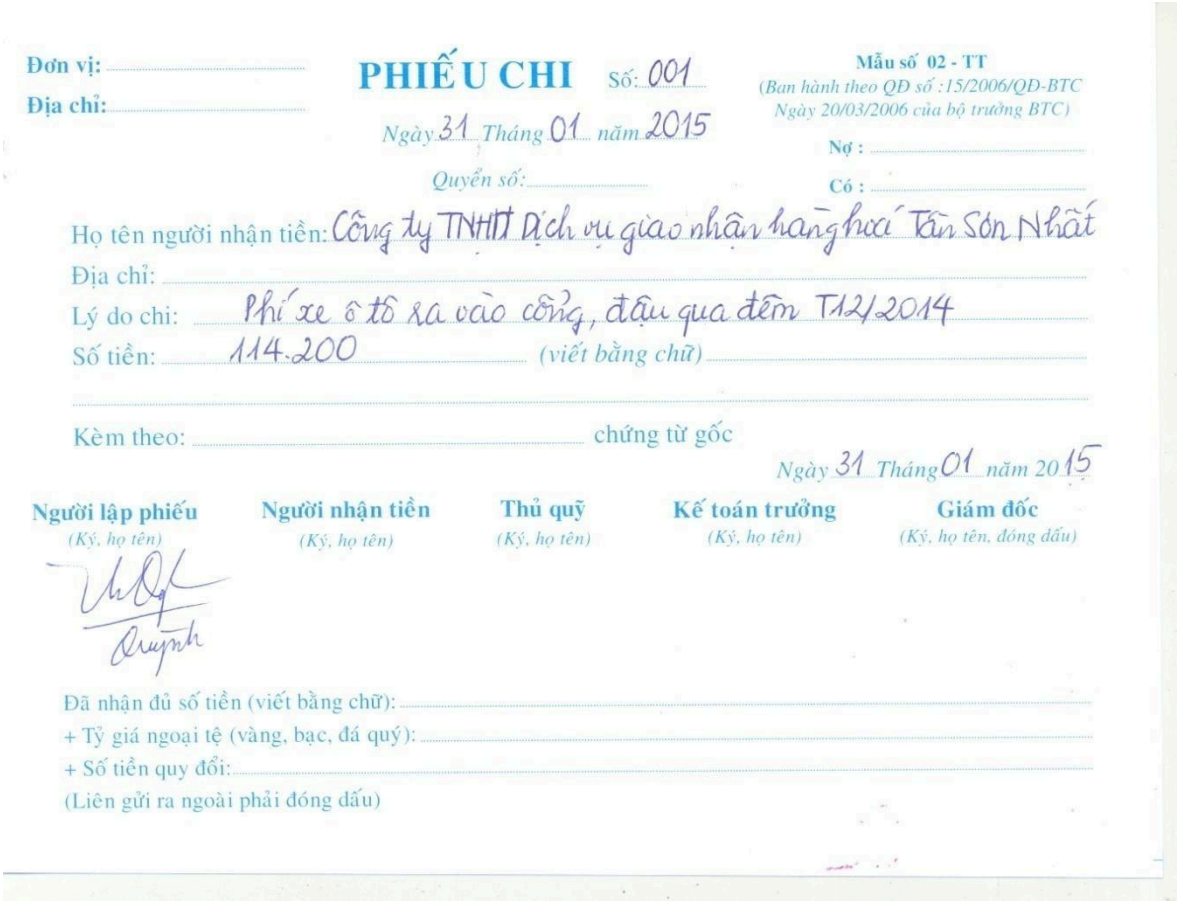

Đơn vị: .....
Địa chỉ: .....

PHIẾU CHI Số: 001

Ngày 31 Tháng 01 năm 2015

Quyển số: .....

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Nợ : .....
Có : .....

Họ tên người nhận tiền: Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hoá Tân Sơn Nhất
Địa chỉ: .....
Lý do chi: Phí xe ô tô ra vào cổng, đậu qua đêm T12/2014
Số tiền: 114.200 (viết bằng chữ) .....

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Ngày 31 Tháng 01 năm 2015

Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Quỳnh				

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): .....
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....
+ Số tiền quy đổi: .....
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

HÓA ĐƠN 00079439 (NV2)

KMTC LINE
KOREA MARINE TRANSPORT CO.,LTD.

CÔNG TY TNHH KMTC (VIỆT NAM)
Mã số thuế: 0305666348
Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Tel: 38246113/4/5/6 - Fax: 38246117/8

Mẫu số: **01GTKT3/001**
Ký hiệu *(Serial)* : **AA/14P**
Số *(No.)* : 0079439

HD15/03/076
HD15/03/075
79439

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VAT INVOICE

Liên 2 : Giao cho người mua

Ngày *(day)* 26 tháng *(month)* 02 năm *(year)* 2015

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:

Tên đơn vị *(Company)*: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH

Mã số thuế *(VAT code)*: 0304980801 Ngày đến *(Date)*: 2015/02/12

Địa chỉ *(Address)*: PHÒNG 203, LẦU 2, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH

Tên tàu *(Vessel)*: GREEN ACE Số chuyến *(Voyage)*: 0088N

Số vận đơn *(Bill of lading)*: KMTCSGN0994624 Cảng xếp/dỡ *(POL/POD)*: SGN-.

Hình thức thanh toán *(Method of payment)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(A/C no.)*:

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Thu hộ KMTC phí chứng từ hàng xuất	Lô	1	285.000	285.000
2	Thu hộ KMTC phí niêm chì	Lô	1	81.149	81.149
3	Thu hộ KMTC phí xếp dỡ (THC)	Lô	1	2.941.651	2.941.651

Xin vui lòng thanh toán vào TK của chúng tôi số:
(Please transfer to our bank A/C No)
(VND) 625704060005974
(USD) 625840060000810
Tại Ngân Hàng Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn
(VIB - Branch Saigon)

Cộng tiền hàng: *(Total invoice)* 3.307.800 đ.

Thuế suất GTGT: *(VAT rate)* XX % (Thuế GTGT nhà thầu) Tiền thuế GTGT: *(VAT)* 174.095 đ.

Tổng cộng tiền thanh toán: *(Grand total)* 3.481.895 đ.

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu bốn trăm tám mươi một nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng.

Grand total (in words)

Người mua hàng *(Customer)*
(Ký & ghi rõ họ tên)
(Signature & full name)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, đóng dấu & ghi rõ họ tên)
(Signature, stamp & full name)

Lê Thị Hậu

BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI

Mọi thay đổi về hóa đơn vui lòng thông báo KMTC trong vòng 10 ngày kể từ ngày thanh toán.
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH Giấy Vi Tính Liên Sơn. Mã số thuế: 0301452923 - ĐT: (08) 39 100 555

SỔ CHI TIẾT TK 133

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH

P.203, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

TÀI KHOẢN: 133 - THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ

TỪ NGÀY: 01-01-2015 ĐẾN NGÀY: 31-12-2015

CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK Đ.ỨNG	SỐ PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ				NỢ	CÓ
12-Jan	PC15/01/063	Công ty TNHH Sài Gòn Hà Nội Express - NBEXPRES	Cước vận chuyển	1111	64,400	0
31-Jan	PC15/01/001	Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận Hàng hoá Tân Sơn	Phí xe ô tô ra vào cổng, đậu qua đêm T12/2014	1111	114,200	0
31-Jan	PC15/01/002	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Hàng hoá Tân Sơn	Phí thuê hộp đựng vận đơn từ ngày 01/12/2014 đến	1111	33,000	0
31-Jan	PC15/01/002	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Hàng hoá Tân Sơn	Phí tách không vận đơn phụ	1111	440,000	0
31-Jan	PC15/01/003	Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận Hàng hoá Tân Sơn	Phí làm thẻ an ninh nội bộ 01 thẻ nhựa	1111	6,364	0
31-Jan	PC15/01/004	DNTN Minh Quân - NBMQUAN	Nước tinh khiết T12/2014	1111	30,546	0
		.....				
28-Feb	HD15/02/073	Công ty TNHH KMTC (Việt Nam) - NBKMTC	Thu phí chứng từ	331111	27,273	0
28-Feb	HD15/02/075	Công ty TNHH KMTC (Việt Nam) - NBKMTC	Thu hộ phí chứng từ hàng xuất, phí niêm chì, phí xếp	331111	174,095	0
28-Feb	HD15/02/076	Công ty TNHH KMTC (Việt Nam) - NBKMTC	Thu phí chứng từ	331111	27,273	0
28-Feb	HD15/02/077	Chi nhánh Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) tại TP. Hồ	Thu hộ phí xếp dỡ, phí niêm chì	331111	104,576	0
28-Feb	HD15/02/079	Chi nhánh Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) tại TP. Hồ	Phí vận đơn, phí điện giao hàng	331111	90,909	0
		.....				
31-Dec	HD15/12/114	CN Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế	Phí kiểm toán BCTC năm 2014	331111	1,680,000	0
31-Dec	HD15/12/115	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt nam - NBADUONG	Cước taxi tháng 11/2015	331111	299,919	0
31-Dec	HD15/12/118	Công ty TNHH Hanjin Shipping Việt Nam - NBHANJIN	Thu hộ phí dịch vụ bến bãi	331111	335,789	0
31-Dec	HD15/12/143	Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam - NBASHIP	Thu hộ phí chứng từ, xếp dỡ, ĐBCB vỏ	331111	198,750	0
31-Dec	HD15/12/145	Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam - NBASHIP	Thu hộ hãng tàu phí chứng từ, xếp dỡ, ĐBCB vỏ	331111	1,155,000	0
31-Dec	HD15/12/146	Chi nhánh Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) tại TP. Hồ	Phí vận đơn, điện giao hàng	331111	90,909	0
31-Dec	HD15/12/148	Chi nhánh Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) tại TP. Hồ	Thu hộ phí xếp dỡ, niêm chì	331111	167,322	0
31-Dec	HD15/12/149	Chi nhánh Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) tại TP. Hồ	Phí vận đơn, điện giao hàng	331111	90,909	0
31-Dec	HD15/12/151	Chi nhánh Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) tại TP. Hồ	THu hộ phí xếp dỡ, niêm chì	331111	112,550	0
31-Dec	HD15/12/163	Chi nhánh công ty TNHH SITC Việt Nam tại TP. Hồ Chí	Thu hộ phí điện giao hàng, chì, chứng từ hàng xuất,	331111	278,500	0
31-Dec	HD15/12/179	CTY TNHH TM Vận tải và Du lịch Nghĩa Phong -	Tiền thuê xe tháng 12/2015	331111	2,995,779	0
31-Dec	PKT15/12/004	-	Kết chuyển thuế VAT tháng 12/2015	33311	0	82,637,125
31-Dec	PKT15/12/004	-	Kết chuyển thuế VAT tháng 12/2015	33311	0	807,301
				TỔNG PHÁT SINH NỢ:		886,869,648
				TỔNG PHÁT SINH CÓ:		886,869,648
				SỐ DƯ CUỐI KỲ:		0

Ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Đỗ Thị Thanh

SỔ CÁI TK 133

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH
P.203, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ

Mã số thuế: 0304980801
Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
TÀI KHOẢN: 133 - THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ
TỪ NGÀY: 01-01-2015 ĐẾN NGÀY: 31-12-2015

SỐ DƯ ĐẦU KỲ: 0

NGÀY THÁNG GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	NHẬT KÝ CHUNG		TK Đ.ỨNG	SỐ TIỀN	
	SỐ HIỆU	NGÀY THÁNG		TRANG	STT		NỢ	CÓ
			SỐ TRANG TRƯỚC CHUYỂN SANG:				0	0
A	B	C	D	E	G	H	1	2
1/12/2015	PC15/01/063	1/12/2015	Cước vận chuyển			1111	64,400	0
12/31/2014	PC15/01/001	1/31/2015	Phí xe ô tô ra vào cổng, đậu qua đêm T12/2014			1111	114,200	0
1/8/2015	PC15/01/008	1/31/2015	Thu hộ hãng tàu NYK Line phí chứng từ hàng xuất, phí niêm chì và các phí khác, phí xếp dỡ			1111	181,408	0
1/8/2015	PC15/01/009	1/31/2015	Thu hộ phí vệ sinh cont, phí xếp dỡ tại cảng, phí mất cân bằng vỏ			1111	190,000	0
1/8/2015	PC15/01/009	1/31/2015	Phí chứng từ			1111	38,182	0
1/7/2015	PC15/01/010	1/31/2015	Mở liên từ số cái 39480686, số con 39480687, 39487330, 39487331			1111	13,636	0
1/6/2015	PC15/01/011	1/31/2015	Phí lệnh giao hàng, phí khai thác hàng lẻ, phí xếp dỡ, phí điều chuyển cont			1111	587,316	0
1/5/2015	PC15/01/012	1/31/2015	Phí chứng từ			1111	38,182	0
			.....					
2/26/2015	HD15/02/072	2/28/2015	Thu hộ phí chứng từ hàng xuất, phí niêm chì, phí xếp dỡ			331111	333,190	0
2/26/2015	HD15/02/073	2/28/2015	Thu phí chứng từ			331111	27,273	0
2/26/2015	HD15/02/075	2/28/2015	Thu hộ phí chứng từ hàng xuất, phí niêm chì, phí xếp dỡ			331111	174,095	0
2/26/2015	HD15/02/076	2/28/2015	Thu phí chứng từ			331111	27,273	0
2/12/2015	HD15/02/077	2/28/2015	Thu hộ phí xếp dỡ, phí niêm chì			331111	104,576	0
2/12/2015	HD15/02/079	2/28/2015	Phí vận đơn, phí điện giao hàng			331111	90,909	0
2/13/2015	HD15/02/080	2/28/2015	Thu hộ phí xuất trình vận đơn			331111	34,211	0
			.....					
12/31/2015	HD15/12/163	12/31/2015	Thu hộ phí điện giao hàng, chì, chứng từ hàng xuất, xếp dỡ tại cảng			331111	278,500	0
12/31/2015	HD15/12/179	12/31/2015	Tiền thuê xe tháng 12/2015			331111	2,995,779	0
12/31/2015	PKT15/12/004	12/31/2015	Kết chuyển thuế VAT tháng 12/2015			33311	0	82,637,125
12/31/2015	PKT15/12/004	12/31/2015	Kết chuyển thuế VAT tháng 12/2015			33311	0	807,301
						TỔNG PHÁT SINH NỢ:		**886,869,648**
Số này có 113 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 113						**TỔNG PHÁT SINH CÓ:**		**886,869,648**
Ngày mở sổ: 01-03-2016						**SỐ DƯ CUỐI KỲ:**		**0**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
	Đỗ Thị Thanh	**Yoon Daeic**

1.3. Kế toán phải thu nội bộ

SỔ CHI TIẾT TK 136

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH
P.203, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

TÀI KHOẢN: 136 - PHẢI THU NỘI BỘ
TỪ NGÀY: 01-01-2015 ĐẾN NGÀY: 31-12-2015

SỐ DƯ NỢ ĐẦU KỲ: 1,788,020,939

CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK Đ.ỨNG	SỐ PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ				NỢ	CÓ
13-Mar	UNC03/007	Chi nhánh Hà Nội - CNHN	Chuyển khoản cho Hà Nội	11211	25,000,000	0
23-Mar	UNC03/015	Chi nhánh Hà Nội - CNHN	Chuyển khoản	11211	15,000,000	0
11-May	SH2BN05/001	Chi nhánh Hà Nội - CNHN	Chuyển tiền cho chi nhánh Hà Nội	11214	28,628,977	0
15-May	SH1BN05/012	Chi nhánh Hà Nội - CNHN	Chuyển tiền cho chi nhành Hà Nội (quỹ văn phòng)	11212	30,000,000	0
20-May	SH1BN05/018	Chi nhánh Hà Nội - CNHN	Chuyển tiền cho chi nhánh Hà Nội (Quỹ VP)	11212	50,000,000	0
28-May	SH1BN05/025	Chi nhánh Hà Nội - CNHN	Chuyển tiền cho chi nhánh Hà Nội	11212	40,000,000	0
14-Jul	SH1BC07/007	Chi nhánh Hà Nội - CNHN	Smart Hà Nội chuyển quỹ cho Smart HCM	11212	0	200,000,000
21-Jul	SH1BN07/018	Chi nhánh Hà Nội - CNHN	Chuyển tiền cho chi nhánh Hà Nội cho quỹ văn phòng	11212	20,000,000	0
7-Dec	BNSH1/12/010	Chi nhánh Hà Nội - CNHN	Chuyển khoản cho chi nhánh Hà Nội	11212	135,000,000	0
30-Dec	BNSH1/12/031	Chi nhánh Hà Nội - CNHN	Chuyển khoản cho chi nhánh Hà Nội	11212	100,000,000	0

TỔNG PHÁT SINH NỢ: 443,628,977
TỔNG PHÁT SINH CÓ: 200,000,000
SỐ DƯ NỢ CUỐI KỲ: 2,031,649,916

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày ..... tháng ..... năm .....
KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Đỗ Thị Thanh

SỔ CÁI TK 136

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH
P.203, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế: 0304980801
Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
TÀI KHOẢN: 136 - PHẢI THU NỘI BỘ
TỪ NGÀY: 01-01-2015 ĐẾN NGÀY: 31-12-2015

SỐ DƯ NỢ ĐẦU KỲ: 1,788,020,939

NGÀY THÁNG GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	NHẬT KÝ CHUNG		TK Đ.ỨNG	SỐ TIỀN	
	SỐ HIỆU	NGÀY THÁNG		TRANG SỔ	STT DÒNG		NỢ	CÓ
			SỐ TRANG TRƯỚC CHUYỂN SANG:				0	0
A	B	C	D	E	G	H	1	2
3/13/2015	UNC03/007	3/13/2015	Chuyển khoản cho Hà Nội			11211	25,000,000	0
3/23/2015	UNC03/015	3/23/2015	Chuyển khoản			11211	15,000,000	0
5/11/2015	SH2BN05/001	5/11/2015	Chuyển tiền cho chi nhánh Hà Nội			11214	28,628,977	0
5/15/2015	SH1BN05/012	5/15/2015	Chuyển tiền cho chi nhánh Hà Nội (quỹ văn phòng)			11212	30,000,000	0
5/20/2015	SH1BN05/018	5/20/2015	Chuyển tiền cho chi nhánh Hà Nội (Quỹ VP)			11212	50,000,000	0
5/28/2015	SH1BN05/025	5/28/2015	Chuyển tiền cho chi nhánh Hà Nội			11212	40,000,000	0
7/14/2015	SH1BC07/007	7/14/2015	Smart Hà Nội chuyển quỹ cho Smart HCM			11212	0	200,000,000
7/21/2015	SH1BN07/018	7/21/2015	Chuyển tiền cho chi nhánh Hà Nội cho quỹ văn phòng			11212	20,000,000	0
12/7/2015	BNSH1/12/010	12/7/2015	Chuyển khoản cho chi nhánh Hà Nội			11212	135,000,000	0
12/30/2015	BNSH1/12/031	12/30/2015	Chuyển khoản cho chi nhánh Hà Nội			11212	100,000,000	0

TỔNG PHÁT SINH NỢ: 443,628,977
TỔNG PHÁT SINH CÓ: 200,000,000
SỐ DƯ NỢ CUỐI KỲ: 2,031,649,916

Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02
Ngày mở sổ: 01-03-2016

Ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
	Đỗ Thị Thanh	Yoon Daeic

2. Kế toán các khoản phải trả tại công ty

2.1. Kế toán phải trả người bán

HÓA ĐƠN 00079439 (NV1)

KMTC LINE
KOREA MARINE TRANSPORT CO.,LTD.

CÔNG TY TNHH KMTC (VIỆT NAM)
Mã số thuế: 0305666348
Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Tel: 38246113/4/5/6 - Fax: 38246117/8

Mẫu số: **01GTKT3/001**
Ký hiệu *(Serial)* : **AA/14P**
Số *(No.)* : 0079439

HD15/03/074
HD15/03/075
79439

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VAT INVOICE

Liên 2 : Giao cho người mua

Ngày *(day)* 26 tháng *(month)* 02 năm *(year)* 2015

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:

Tên đơn vị *(Company)*: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH

Mã số thuế *(VAT code)*: 0304980801 Ngày đến *(Date)*: 2015/02/12

Địa chỉ *(Address)*: PHÒNG 203, LẦU 2, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH

Tên tàu *(Vessel)*: GREEN ACE Số chuyến *(Voyage)*: 0088N

Số vận đơn *(Bill of lading)*: KMTCSGN0994624 Cảng xếp/dỡ *(POL/POD)*: SGN-,

Hình thức thanh toán *(Method of payment)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(A/C no.)*:

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Thu hộ KMTC phí chứng từ hàng xuất	Lô	1	285.000	285.000
2	Thu hộ KMTC phí niêm chì	Lô	1	81.149	81.149
3	Thu hộ KMTC phí xếp dỡ (THC)	Lô	1	2.941.651	2.941.651

Xin vui lòng thanh toán vào TK của chúng tôi số:
(Please transfer to our bank A/C No)
(VND) 625704060005974
(USD) 625840060000810
Tại Ngân Hàng Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn
(VIB - Branch Saigon)

Cộng tiền hàng: *(Total invoice)* 3.307.800 đ.

Thuế suất GTGT: *(VAT rate)* XX % (Thuế GTGT nhà thầu) Tiền thuế GTGT: *(VAT)* 174.095 đ.

Tổng cộng tiền thanh toán: *(Grand total)* 3.481.895 đ.

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng.

Grand total (in words)

Người mua hàng *(Customer)*
(Ký & ghi rõ họ tên)
(Signature & full name)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, đóng dấu & ghi rõ họ tên)
(Signature, stamp & full name)

Lê Thị Hậu

BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI

Mọi thay đổi về hóa đơn vui lòng thông báo KMTC trong vòng 10 ngày kể từ ngày thanh toán.
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH Giấy Vi Tính Liên Sơn. Mã số thuế: 0301452923 - ĐT: (08) 39 100 555

SỔ CHI TIẾT TK 331

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH
P.203, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN
TÀI KHOẢN: 331 - PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN
TỪ NGÀY: 01-01-2015 ĐẾN NGÀY: 31-12-2015

SỐ DƯ CÓ ĐẦU KỲ: 3,024,597,844

CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK Đ.ỨNG	SỐ PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ				NỢ	CÓ
28-Feb	HD15/02/074	Công ty TNHH KMTC (Việt Nam) - NBKMTC	Thu hộ cước	6322	0	42,710
28-Feb	**HD15/02/075**	**Công ty TNHH KMTC (Việt Nam) - NBKMTC**	**Thu hộ phí chứng từ hàng xuất, phí niêm chì,**	**6321**	**0**	**3,307,800**
28-Feb	**HD15/02/075**	**Công ty TNHH KMTC (Việt Nam) - NBKMTC**	**Thu hộ phí chứng từ hàng xuất, phí niêm chì,**	**13311**	**0**	**174,095**
28-Feb	HD15/02/076	Công ty TNHH KMTC (Việt Nam) - NBKMTC	Thu phí chứng từ	6321	0	272,727
28-Feb	HD15/02/076	Công ty TNHH KMTC (Việt Nam) - NBKMTC	Thu phí chứng từ	13311	0	27,273
28-Feb	HD15/02/077	Chi nhánh Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) tại	Thu hộ phí xếp dỡ, phí niêm chì	6321	0	1,986,945
28-Feb	HD15/02/077	Chi nhánh Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) tại	Thu hộ phí xếp dỡ, phí niêm chì	13311	0	104,576
28-Feb	HD15/02/078	Chi nhánh Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) tại	Thu hộ cước vận chuyển quốc tế, phí khai báo hải	6322	0	4,486,650
		.....				
28-Feb	HD15/02/071	Công ty TNHH Dịch vụ Zim Integrated Shipping (Việt Nam) - NBZIM	Thu hộ cước VCQT	6322	0	5,986,400
28-Feb	HD15/02/071	Công ty TNHH Dịch vụ Zim Integrated Shipping (Việt Nam) - NBZIM	Thu hộ phí niêm chì, phí điều hành bến bãi	6321	0	6,133,922
28-Feb	HD15/02/071	Công ty TNHH Dịch vụ Zim Integrated Shipping (Việt Nam) - NBZIM	Thu hộ phí niêm chì, phí điều hành bến bãi	13311	0	322,838
28-Feb	HD15/02/071	Công ty TNHH Dịch vụ Zim Integrated Shipping (Việt Nam) - NBZIM	Phí chứng từ hàng xuất	6321	0	650,000
28-Feb	HD15/02/071	Công ty TNHH Dịch vụ Zim Integrated Shipping (Việt Nam) - NBZIM	Phí chứng từ hàng xuất	13311	0	65,000
28-Feb	HD15/02/072	Công ty TNHH KMTC (Việt Nam) - NBKMTC	Thu hộ phí chứng từ hàng xuất, phí niêm chì, phí xếp dỡ	6321	0	6,330,600
28-Feb	HD15/02/072	Công ty TNHH KMTC (Việt Nam) - NBKMTC	Thu hộ phí chứng từ hàng xuất, phí niêm chì, phí xếp dỡ	13311	0	333,190
28-Feb	HD15/02/073	Công ty TNHH KMTC (Việt Nam) - NBKMTC	Thu phí chứng từ	6321	0	272,727
28-Feb	HD15/02/073	Công ty TNHH KMTC (Việt Nam) - NBKMTC	Thu phí chứng từ	13311	0	27,273

TỔNG PHÁT SINH NỢ: 29,645,513,575
TỔNG PHÁT SINH CÓ: 29,661,769,530
SỐ DƯ CÓ CUỐI KỲ: 3,040,853,799

Ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Đỗ Thị Thanh

SỔ CÁI TK 331

Mã số thuế: 0304980801

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH

Mẫu số: S03b-DN

P.203, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TÀI KHOẢN: 331 - PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

TỪ NGÀY: 01-01-2015 ĐẾN NGÀY: 31-12-2015

SỐ DƯ CÓ ĐẦU KỲ: 3,024,597,844

NGÀY THÁNG GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	NHẬT KÝ CHUNG		TK Đ.ỨNG	SỐ TIỀN	
	SỐ HIỆU	NGÀY THÁNG		TRANG SỐ	STT DÒNG		NỢ	CÓ
			SỐ TRANG TRƯỚC CHUYỂN SANG:				**0**	**0**
A	B	C	D	E	G	H	1	2
1/5/2015	BN01/001	1/5/2015	Thanh toán cho nhà cung cấp			11212	8,243,950	0
1/5/2015	BN01/002	1/5/2015	Thanh toán cho nhà cung cấp			11212	12,780,105	0
1/5/2015	BN01/003	1/5/2015	Thanh toán cho nhà cung cấp			11212	21,882,105	0
1/6/2015	BN01/004	1/6/2015	Thanh toán cho nhà cung cấp			11212	23,721,745	0
1/7/2015	**BN01/009**	**1/7/2015**	**Thanh toán cho nhà cung cấp**			**11212**	**172,518,484**	**0**
1/8/2015	BN01/011	1/8/2015	Thanh toán cho nhà cung cấp			11212	218,204,400	0
1/9/2015	BN01/012	1/9/2015	Thanh toán cho nhà cung cấp			11212	49,797,760	0
1/9/2015	BN01/013	1/9/2015	Thanh toán cho nhà cung cấp			11212	9,273,842	0
1/12/2015	BN01/014	1/12/2015	Thanh toán cho nhà cung cấp			11212	32,068,300	0
1/12/2015	BN01/015	1/12/2015	Thanh toán cho nhà cung cấp			11212	13,262,120	0
			.....			.....		
12/31/2015	HD15/12/179	12/31/2015	Tiền thuê xe tháng 12/2015			13311	0	2,995,779
12/31/2015	PKT15/12/001	12/31/2015	Hạch toán cước vận chuyển quốc tế tháng 12/2015 - Heung A			6322	0	116,829,535
12/31/2015	PKT15/12/002	12/31/2015	Hạch toán cước vận chuyển quốc tế tháng 12/2015- Smart			6322	0	1,611,630,271
12/31/2015	PKT15/12/003	12/31/2015	Hạch toán cước vận chuyển quốc tế tháng 12/2015 - Passion and			6322	0	32,991,205

TỔNG PHÁT SINH NỢ: 29,645,513,575

TỔNG PHÁT SINH CÓ: 29,661,769,530

Sổ này có 191 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 191

Ngày mở sổ: 01-03-2016

SỐ DƯ CÓ CUỐI KỲ: 3,040,853,799

Ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
	Đỗ Thị Thanh	**Yoon Daeic**

2.2. Kế toán thuế và các khoản phải nộp nhà nước

2.2.1.1. Thuế GTGT đầu ra phải nộp

HÓA ĐƠN GTGT (NV1)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH *(SMART CARGO SERVICE CO., LTD)*

Mã số thuế *(Tax code)* : 0 3 0 4 9 8 0 8 0 1

Địa chỉ *(Address)* : Phòng 203, Lầu 2, Tòa nhà Thăng Long, Số 06 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)* : (84.8) 3948 0686 / Fax : (84.8) 3948 0663

Số tài khoản *(A/C No.)* : + SHINHAN VIETNAM BANK VND : 750-500-077 096

+ VIETCOMBANK - HCM VND : 037.100.3776458

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH – Q.TÂN BÌNH - TP.HỒ CHÍ MINH

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Liên 1 : Lưu *(Copy 1 : File)*

Mẫu số *(Form)* : 01GTKT3/003

Ký hiệu *(Serial)* : TM/14P

Số HĐ *(Inv. No.)* : 0002117

Ngày *(Date)* 31 tháng *(month)* 01 năm *(year)* 2015

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)* :

Tên đơn vị *(Company's name)* : CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ HAN YOUNG

Địa chỉ *(Address)* : Cụm CN Cty CP Thành Phố Đẹp-KP.Ông Đông-P.Tân Hiệp -TX.Tân Uyên-T.Bình Dương

Mã số thuế *(Tax code)* : 3700985365

Hình thức thanh toán *(Payment method)* : CK

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Tiền trước thuế *(Pre-tax amount)*	Thuế GTGT *(VAT amount)* Thuế suất GTGT *(VAT rate %)*	Tiền thuế *(VAT amount)*	Thành tiền *(Total amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Bill: SCSS-150203							
	Phí khai Hải Quan tự động	Lô	1	854.600	854.600	10	85.460	940.060
	Phí chứng từ	Bộ	1	640.950	640.950	10	64.095	705.045
	Phí chì (Seal fee)	Cont	1	170.920	170.920	10	17.092	188.012
	Phí xếp dỡ (Phí THC)	Cont	1	1.837.390	1.837.390	10	183.739	2.021.129
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total invoice amount)* :					3.503.860		350.386	3.854.246

Số tiền viết bằng chữ : Ba triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng chẵn

(Amount in words)

Người mua hàng *(Customer)*	**Người bán hàng** *(Seller)*	**Thủ trưởng đơn vị** *(Director)*
Ký, ghi rõ họ tên *(Sign & full name)*	Ký, ghi rõ họ tên *(Sign & full name)*	Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên *(Sign, stamp & full name)*
BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI	Trần Thị Mai Trâm	

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH Giấy Vi Tính Liên Sơn - Mã số thuế: 0301452923 - ĐT: (08) 39 100 555

SỔ CÁI TK 333

	Mã số thuế: 0304980801
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH	**Mẫu số: S03b-DN**
P.203, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH	(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
	ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TÀI KHOẢN: 333 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

TỪ NGÀY: 01-01-2015 ĐẾN NGÀY: 31-12-2015

SỐ DƯ CÓ ĐẦU KỲ: 61,300,856

NGÀY THÁNG GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	NHẬT KÝ CHUNG		TK Đ.ỨNG	SỐ TIỀN	
	SỐ HIỆU	NGÀY THÁNG		TRAN	STT DÒNG		NỢ	CÓ
			SỐ TRANG TRƯỚC CHUYỂN SANG:				**0**	**0**
A	B	C	D	E	G	H	1	2
1/5/2015	0001837	1/5/2015	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ, phí đại lý, phí xếp dỡ			131111	0	386,147
1/5/2015	0001838	1/5/2015	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ			131111	0	441,731
1/5/2015	0001839	1/5/2015	Phí vệ sinh cont, phí phụ trội, phí chứng từ, phí Handling,			131111	0	1,267,176
1/5/2015	0001841	1/5/2015	Phí vệ sinh cont, phí phụ trội, phí chứng từ, phí Handling,			131111	0	697,803
1/5/2015	0001843	1/5/2015	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ, phí xếp dỡ			131111	0	92,042
1/5/2015	0001844	1/5/2015	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ, phí Handling, phí xếp			131111	0	453,251
1/5/2015	0001845	1/5/2015	Phí bốc xếp, phí phụ trội, phí chứng từ, phí xếp dỡ			131111	0	315,405
1/5/2015	0001846	1/5/2015	Phí chứng từ, phí chì, phí xếp dỡ			131111	0	408,199
			.....					
12/31/2015	0002211	12/31/2015	Phí dịch vụ hải quan, phụ trội, chứng từ, handling, vệ sinh			131111	0	1,746,850
12/31/2015	0002212	12/31/2015	Phí bốc xếp, phụ trội, chứng từ, xếp dỡ, đại lý			131111	0	450,868
12/31/2015	0002213	12/31/2015	Phí bốc xếp, phụ trội, chứng từ, xếp dỡ, đại lý			131111	0	226,437
12/31/2015	0002214	12/31/2015	Phí bốc xếp, phụ trội, chứng từ, xếp dỡ, đại lý			131111	0	146,510
12/31/2015	0002215	12/31/2015	Phí phụ trội, chứng từ, đại lý, xếp dỡ, bốc xếp			131111	0	420,799
12/31/2015	0002216	12/31/2015	Phí phụ trội, chứng từ, handling, xếp dỡ, bốc xếp			131111	0	758,764
12/31/2015	0002217	12/31/2015	Phí phụ trội, chứng từ, handling, xếp dỡ, bốc xếp			131111	0	786,375
12/31/2015	0002221	12/31/2015	Phí phụ trội, bảo hiểm, chứng từ, xếp dỡ, bốc xếp			131111	0	1,326,096
12/31/2015	0002224	12/31/2015	Phí dịch vụ hải quan, bốc xếp, phụ trội, chứng từ, handling, vận chuyển nội địa, xếp dỡ			131111	0	542,651
12/31/2015	PKT15/12/004	12/31/2015	Kết chuyển thuế VAT tháng 12/2015			13311	82,637,125	0
12/31/2015	PKT15/12/004	12/31/2015	Kết chuyển thuế VAT tháng 12/2015			13312	807,301	0
						TỔNG PHÁT SINH NỢ:		**1,530,326,257**
						TỔNG PHÁT SINH CÓ:		**1,491,144,662**
						SỐ DƯ CÓ CUỐI KỲ:		**22,119,261**

Sổ này có 83 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 83

Ngày mở sổ: 01-03-2016

Ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
	Đỗ Thị Thanh	**Yoon Daeic**

2.2.1.2. Thuế TNDN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH
P.203, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

TÀI KHOẢN: 3334 - THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TỪ NGÀY: 01-01-2015 ĐẾN NGÀY: 31-12-2015

SỐ DƯ NỢ ĐẦU KỲ: 10,058,515

CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK Đ.ỨNG	SỐ PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ				NỢ	CÓ
2-Apr	UNC04/001	Chi cục thuế Tân Bình - KH315	Đóng thuế TNDN 2014	11211	14,758,655	0
31-Jul	BN15/07/028	Chi cục thuế Tân Bình - KH315	Thuế TNDN quý 2/2015	11211	9,028,092	0
29-Oct	BNSH1/10/021	Chi cục thuế Tân Bình - KH315	Đóng thuế quý 3/2015	11212	8,612,847	0

TỔNG PHÁT SINH NỢ: 32,399,594
TỔNG PHÁT SINH CÓ: 0
SỐ DƯ NỢ CUỐI KỲ: 42,458,109

Ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

ĐỖ THỊ THANH

2.3. Kế toán phải trả người lao động

BẢNG LƯƠNG

Salary Table

November-15

No.	NAME	BASIC	ALLOWANCE			INSURANCE - 32.5%						Allowance	Personal Income Tax (PIT)	ACTUAL RECEIVE	RMKS
						Company			Staff						
			Position	Lunch	Traffic	Health 3%	Unemployment 1%	Social 18%	Health 1.5%	Unemployment 1%	Social 8%				
5	ĐỖ THỊ THANH	14,000,000				420,000	140,000	2,520,000	210,000	140,000	1,120,000			12,530,000	
6	VŨ THỊ THU TRANG	12,500,000				375,000	125,000	2,250,000	187,500	125,000	1,000,000			11,187,500	
8	NGUYỄN DUY THÂN	8,500,000				255,000	85,000	1,530,000	127,500	85,000	680,000			7,607,500	
9	TRẦN THỊ MAI TRÂM	10,000,000				300,000	100,000	1,800,000	150,000	100,000	800,000			8,950,000	
12	LÊ THỊ THẢO QUỲNH	6,000,000				180,000	60,000	1,080,000	90,000	60,000	480,000			5,370,000	
13	TRẦN THỊ TÚ ANH	9,000,000				270,000	90,000	1,620,000	135,000	90,000	720,000			8,055,000	
14	MAI THỊ HƯƠNG DUYÊN	7,500,000				225,000	75,000	1,350,000	112,500	75,000	600,000			6,712,500	
16	MS. ĐA (Cleaner)	3,000,000				90,000	30,000	540,000	45,000	30,000	240,000			2,685,000	
Total		70,500,000	0	0	0	2,115,000	705,000	12,690,000	1,057,500	705,000	5,640,000	0	0	63,097,500	
Sub-Total		70,500,000	0			15,510,000			7,402,500				0	63,097,500	
G. Total		70,500,000				22,912,500							93,412,500		

Salary will be paid every 10th day of the month 12 times and Lunar New Year and Full-Moon Festival.

The 30th April National Holiday can be consider to pay 50% bonus depend on company's status.

ex-rate 21.800

ACCT	CHIEF ACCT	BR.MANAGER	PRESIDENT
			YOON DAEIC

2.4. Kế toán các khoản phải trả, phải nộp khác tại công ty

SỔ CHI TIẾT TK 338

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG HÓA THÔNG MINH
P.203, TÒA NHÀ THĂNG LONG, SỐ 6 THĂNG LONG, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

TÀI KHOẢN: 338 - PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC
TỪ NGÀY: 01-01-2015 ĐẾN NGÀY: 31-12-2015

SỐ DƯ CÓ ĐẦU KỲ: 16,918,258

CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK Đ.ỨNG	SỐ PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ				NỢ	CÓ
7-Jan	BN01/008	BHXH quận Tân Bình - KH095	Đóng BHXH T12/2014	11212	12,820,613	0
23-Jan	VCB01/016	BHXH quận Tân Bình - KH095	Thanh toán ốm, thai sản quý 4/2014	11211	0	1,934,268
31-Jan	PKT15/01/005	Nhân viên - KH464	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 1/2015	64211	0	7,881,500
31-Jan	PKT15/01/005	Nhân viên - KH464	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 1/2015	3341	0	3,761,625
28-Feb	PKT15/02/003	-	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 2/2015	64211	0	8,703,750
28-Feb	PKT15/02/003	-	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 2/2015	3341	0	4,154,063
2-Mar	BN03/001	BHXH quận Tân Bình - KH095	Đóng BHXH tháng 1,2/2015	11212	23,286,252	0
31-Mar	PKT15/03/005	Nhân viên - KH464	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 3/2015	64211	0	8,703,750
31-Mar	PKT15/03/005	Nhân viên - KH464	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 3/2015	3341	0	4,154,063
2-Apr	UNC04/002	BHXH quận Tân Bình - KH095	Đóng BHXH Tháng 3/2015	11211	12,857,814	0
30-Apr	PKT15/04/009	Nhân viên - KH464	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 4/2015	64211	0	8,703,750
30-Apr	PKT15/04/009	Nhân viên - KH464	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 4/2015	3341	0	4,154,063
15-May	VCB15/05/009	BHXH quận Tân Bình - KH095	Thanh toán HBXH, BHYT, BHTN tháng 4/2015	11211	12,857,813	0
31-May	PKT15/05/003	Nhân viên - KH464	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 5/2015	64211	0	7,603,750
31-May	PKT15/05/003	Nhân viên - KH464	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 5/2015	3341	0	3,629,063
2-Jun	BN06/15/002	BHXH quận Tân Bình - KH095	Thanh toán BHXH, BHYT, BHTN tháng 5/2015	11211	11,643,126	0
30-Jun	PKT15/06/003	Nhân viên - KH464	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 6/2015	64211	0	7,603,750
30-Jun	PKT15/06/003	Nhân viên - KH464	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 6/2015	3341	0	3,629,063
2-Jul	BN15/07/003	BHXH quận Tân Bình - KH095	Chi cho nhà cung cấp	11211	11,232,814	0
31-Jul	PKT15/07/007	-	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 7/2015	64211	0	7,603,750
31-Jul	PKT15/07/007	-	BHXH, BHYT, BHTN trích theo lương tháng 7/2015	3341	0	3,629,063
18-Aug	BN15/08/010	BHXH quận Tân Bình - KH095	Đóng BHXH tháng 7/2015	11211	11,232,813	0
31-Aug	PKT15/08/008	-	BHXH, BHYT<, BHTN trích theo lương tháng 8/2015	64211	0	7,603,750
31-Aug	PKT15/08/008	-	BHXH, BHYT<, BHTN trích theo lương tháng 8/2015	3341	0	3,629,063
7-Sep	BN15/09/007	BHXH quận Tân Bình - KH095	Đóng BHXH tháng 8/2015	11211	11,232,813	0
30-Sep	PKT15/09/006	-	BHXH, BHYT<, BHTN trích theo lương tháng 9/2015	64211	0	7,603,750
30-Sep	PKT15/09/006	-	BHXH, BHYT<, BHTN trích theo lương tháng 9/2015	3341	0	3,629,063
9-Oct	BNVCB10/007	BHXH quận Tân Bình - KH095	Đóng BHXh tháng 9/2015	11211	11,232,813	0
31-Oct	PKT15/10/008	-	BHXH, BHYT<, BHTN trích theo lương tháng 10/2015	64211	0	7,603,750
31-Oct	PKT15/10/008	-	BHXH, BHYT<, BHTN trích theo lương tháng 10/2015	3341	0	3,629,063
5-Nov	PC15/11/072	Khách hàng khác - KHKHAC	Thanh toán cho nhà cung cấp	1111	4,097,645	0
9-Nov	BNVCB11/009	BHXH quận Tân Bình - KH095	Đóng BHXh tháng 10/2015	11211	11,232,813	0
30-Nov	PKT15/11/007	-	BHXH, BHYT<, BHTN trích theo lương tháng 11/2015	64211	0	7,603,750
30-Nov	PKT15/11/007	-	BHXH, BHYT<, BHTN trích theo lương tháng 11/2015	3341	0	3,629,063
18-Dec	BNVCB12/013	BHXH quận Tân Bình - KH095	Đóng BHXH tháng 11/2015	11211	11,232,813	0

TỔNG PHÁT SINH NỢ: 144,960,142
TỔNG PHÁT SINH CÓ: 130,780,523
SỐ DƯ CÓ CUỐI KỲ: 2,738,639

Ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

ĐỖ THỊ THANH